



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 05/2024

Từ 05/02 - 08/02/2024

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG

VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN



Chúc Mừng Năm Mới!

Nhân dịp xuân Giáp Thìn 2024,

Kính chúc các đồng chí cùng gia đình mạnh khỏe, an khang, thịnh vượng và thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi phương châm hành động của Chính Phủ

**“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời;
tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”**

HAPPY NEW YEAR

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÂN QUYỀN MẠNH CHO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, XÓA BỎ CƠ CHẾ XIN CHO DỄ NẢY SINH TIÊU CỰC

Theo Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, việc phân cấp, phân quyền mạnh cho TP. Hồ Chí Minh là rất cần thiết và phải xóa cơ chế xin cho, để tăng quyền chủ động cho địa phương.

Sáng ngày 03/02/2024, tại TP. Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã chủ trì Phiên họp lần thứ 2 Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội.

Báo cáo tại phiên họp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, qua 6 tháng triển khai và 2 tháng kể từ Phiên họp lần thứ nhất, việc triển khai nghị quyết đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Cụ thể, các Bộ và thành phố đang tích cực, triển khai các nhiệm vụ được giao. Trong đó, đã hoàn thiện và trình Chính phủ một dự thảo nghị định, dự kiến tiếp tục trình hai dự thảo nghị định trong tháng 02/2024.

Riêng TP. Hồ Chí Minh đang khẩn trương thực hiện các đề án, nhiệm vụ lớn theo tiến độ. Trong đó, tập trung hoàn thiện đề án phát triển hệ thống đường sắt đô thị, đề án xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế, siêu cảng Cần Giờ...

“Đề nghị TP. Hồ Chí Minh phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tập trung triển khai các chính sách có tính vượt trội, đột phá, huy động nguồn lực để tạo đà cho thành phố phát triển mạnh mẽ”, đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư nêu.

Nêu ý kiến tại Phiên họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi đi thẳng vào các vướng mắc mà thành phố đang gặp trong quá trình triển khai Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội.

Cụ thể, TP. Hồ Chí Minh gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù nhưng phải làm theo quy trình, thủ tục hiện hành, một số việc phải thông qua ý kiến các Bộ, ngành Trung ương.

Qua đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mãi kiến nghị giao cho thành phố được chủ động quyết định về quy trình, thủ tục để việc triển khai được đồng bộ.

Phát biểu tại Phiên họp, Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Nên cho biết, thành phố cùng các Bộ, ngành đã hết sức nỗ lực, nhưng còn những phần việc làm rất chậm.

Theo Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Nên, khối lượng công việc của nghị quyết rất lớn và mới, có những vấn đề vượt ra khỏi lằn ranh của hệ thống pháp luật hiện hành. Do vậy, cần có cơ chế, chính sách vượt trội để triển khai.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 mà còn xin ý kiến Bộ, ngành là biểu hiện của cơ chế xin cho

Phát biểu kết luận Phiên họp, Thủ tướng Chính phủ cho biết, Chính phủ cùng với TP. Hồ Chí Minh đã dày công đề xuất Nghị quyết số 98/2023/QH15 và được Quốc hội thông qua. “Nghị quyết đã thông qua rồi, việc của chúng ta là tổ chức thế nào cho hiệu quả, đúng tiến độ”, Thủ tướng Chính phủ nêu.

Cũng theo Thủ tướng Chính phủ, trong quá trình triển khai cần xem tình hình có gì mới, vướng thì tiếp tục đề xuất, để Quốc hội xem xét.

Trước đề xuất của TP. Hồ Chí Minh, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, việc phân cấp, phân quyền mạnh để cho thành phố tăng quyền chủ động là điều cần thiết. Đi kèm với phân cấp, phân quyền thì có công cụ giám sát, thanh tra nên không phải sợ trách nhiệm.

Theo Thủ tướng Chính phủ, thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 mà còn xin ý kiến Bộ, ngành là biểu hiện của cơ chế xin cho.

“Còn cơ chế xin cho nghĩa là còn báo cáo, dễ tạo ra môi trường tiêu cực. Khi có tiêu cực phải xử lý, phải họp hành, báo cáo, giải trình làm mất rất nhiều thời gian”, Thủ tướng Chính phủ lưu ý.

Theo Thủ tướng Chính phủ, phải xóa cơ chế xin cho, để tăng quyền chủ động cho địa phương triển khai công việc.

Về phía các Bộ, ngành, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cần triển khai công việc một cách dứt khoát, không chần chừ. Nhất là trong việc phối hợp triển khai cần đồng bộ, nhuần nhuyễn.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu, Bộ, ngành nào chưa cho ý kiến, hay chưa dứt khoát trong phối hợp thì đơn vị lấy ý kiến cần báo cáo với các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách, không thể để công việc chậm vì việc phối hợp chưa hiệu quả.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu mỗi thành viên trong Ban Chỉ đạo cần phát huy tinh thần, trách nhiệm cao hơn.

Phát huy tính tự giác, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để tham mưu cho Ban Chỉ đạo sát việc hơn, giải quyết nhanh hơn.

Thủ tướng Chính phủ đặc biệt lưu ý về dự án siêu cảng Cần Giờ. Theo Thủ tướng Chính phủ, hiện dự án có những vướng mắc, được chuyên gia cũng như người dân nói nhiều.

Đó là, khi triển khai cảng Cần Giờ thì có phải tạo sự cạnh tranh với hệ thống Cảng Cái Mép - Thị Vải hay không.

“Chúng ta có điều kiện để triển khai cảng Cần Giờ, nhưng công tác truyền thông cũng cần đặt lên hàng đầu để nhân dân, chuyên gia và cả quốc tế hiểu chúng ta làm đúng nguyên tắc”, Thủ tướng Chính phủ lưu ý.

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu TP. Hồ Chí Minh tập trung xây dựng tổng thể đề án “hệ thống đường sắt TP. Hồ Chí Minh” để khi triển khai được đồng bộ, đạt mục tiêu có một hệ thống đường sắt hiện đại, chất lượng.

Về việc TP. Hồ Chí Minh đề xuất thêm một Phó Chủ tịch phụ trách Nghị quyết số 98/2023/QH15 (tại Phiên họp lần thứ nhất), Thủ tướng Chính phủ cho biết sẽ bàn thêm với Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Nên và làm việc với cấp có thẩm quyền về đề xuất này.

“Chọn người phụ trách công việc thì cần người có năng lực, có đam mê công việc và chuyên sâu thì việc triển khai sẽ nhanh hơn”, Thủ tướng Chính phủ khẳng định.

Nguồn: vietnamnet.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: THÔNG TIN SẮP NHẬP TỈNH LÀ KHÔNG CHÍNH XÁC

Triển khai đồng bộ Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Nội vụ trong năm 2024. Trao đổi với Phóng viên TTXVN, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà khẳng định, “chưa tính toán hay đề xuất gì về việc sắp xếp, sáp nhập bất cứ tỉnh, thành phố nào”.

Chưa đề xuất sáp nhập tỉnh

Phóng viên: Thưa Bộ trưởng, đến nay, các tỉnh, thành phố đã báo cáo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã lên Bộ như thế nào? Số lượng xã, huyện thuộc diện sáp nhập có thay đổi so với tính toán ban đầu?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Nội vụ cũng như của các địa phương trong năm 2024. Tính đến ngày 31/12/2023, tất cả 56/56 địa phương có đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 đã gửi Phương án tổng thể đến Bộ Nội vụ chủ trì.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan liên quan, Bộ Nội vụ đã ban hành 56 văn bản tham gia ý kiến đối với phương án tổng thể của các địa phương. Tổng hợp từ phương án tổng thể của 56 tỉnh, thành phố cho thấy, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 có một số thay đổi so với dự kiến ban đầu.

Theo dự kiến, giai đoạn 2023 - 2025, cả nước có 33 đơn vị hành chính cấp huyện và 1.327 đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện bắt buộc sắp xếp. Tuy nhiên, sau khi tổng hợp phương án tổng thể, tổng số đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp là 50. Trong đó có 11 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 16 đơn vị khuyến khích và 23 đơn vị liên kết; không thực hiện sắp xếp 19 đơn vị do có yếu tố đặc thù. Dự kiến sau sắp xếp, sáp nhập, cả nước sẽ giảm 14 đơn vị hành chính cấp huyện.

Còn tổng số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp là 1.243 đơn vị. Trong đó, có 738 đơn vị thuộc diện phải sắp xếp, 109 đơn vị khuyến khích và 396 đơn vị liên kết; không thực hiện sắp xếp 515 đơn vị do có yếu tố đặc thù. Dự kiến sau sắp xếp, sáp nhập sẽ giảm 619 đơn vị hành chính cấp xã.

Qua những con số này, có thể thấy số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp do các địa phương tự đề xuất khá nhiều. Có đến 16 đơn vị hành chính cấp huyện và 109 đơn vị hành chính cấp xã không thuộc diện bắt buộc sắp xếp nhưng các địa phương đã tự đề xuất để sắp xếp lại.

Bên cạnh đó, số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mặc dù thuộc diện phải sắp xếp nhưng qua rà soát, đánh giá nhiều yếu tố đặc thù về văn hóa, lịch sử,... nên địa phương đề xuất không sắp xếp.

Tổng hợp chung lại, số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sắp xếp, sáp nhập trong năm 2024 không có biến động lớn so với dự kiến ban đầu. Trên cơ sở phương án tổng thể (sau khi được hoàn thiện), các địa phương đang tập trung xây dựng đề án, tổ chức lấy ý kiến cử tri, thông qua Hội đồng nhân dân các cấp để trình Chính phủ và theo đó trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định xong trước 30/9/2024.

Phóng viên: Gần đây trên mạng xã hội có thông tin về việc chuẩn bị sắp xếp, sáp nhập một số tỉnh, Bộ trưởng có thể cho biết thực hư việc này như thế nào?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Đây là vấn đề nhiều tỉnh, thành phố đang quan tâm và đặt câu hỏi với Bộ Nội vụ. Tuy nhiên, chúng tôi khẳng định là Bộ Nội vụ chưa tính toán hay đề xuất gì về việc sắp xếp, sáp nhập bất cứ tỉnh, thành phố nào.

Thời gian qua, trên mạng xã hội đăng tải nhiều thông tin nói rằng tỉnh này sáp nhập với tỉnh kia, tôi khẳng định đây là những thông tin không chính xác, không có căn cứ khiến cho nhân dân một số tỉnh băn khoăn, làm ảnh hưởng đến tâm lý xã hội.

Có một số tỉnh như Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế đang rất nỗ lực, phấn đấu để đến giai đoạn 2026 - 2030 đủ điều kiện lên thành phố trực thuộc Trung ương, đây là chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được Chính phủ quan tâm chỉ đạo thực hiện. Vì vậy, nếu tỉnh, thành phố nào theo quy hoạch, đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương thì các cấp có thẩm quyền sẽ xem xét quyết định.

Phát triển đội ngũ công chức theo hướng chuyên nghiệp

Phóng viên: Vậy còn việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị được thực hiện ra sao, thưa Bộ trưởng?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Hiện nay, việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các bộ, ngành (tổng cục, cục, vụ) và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (sở, ngành) đã tương đối hoàn thành, chỉ còn lại một số đơn vị sự nghiệp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì chúng tôi tập trung sắp xếp tiếp trong năm 2024.

Dự kiến, sau khi sắp xếp sẽ giảm khoảng 140 đầu mối đơn vị sự nghiệp của các Bộ, ngành; đồng thời, đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 có 63% đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ tự chủ hoàn toàn.

Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ phối hợp cùng các Bộ, ngành, địa phương cố gắng đến tháng 9/2024 thực hiện xong việc sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy, kể cả đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cũng như các đơn vị sự nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương. Có như vậy, bộ máy mới ổn định để chuẩn bị cho năm 2025 tổ chức đại hội đảng bộ các cấp.

Phóng viên: Một trong những nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của Bộ Nội vụ là xây dựng, hoàn thiện thể chế liên quan đến tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức. Vậy, năm 2024 Bộ sẽ thực hiện nhiệm vụ này như thế nào?

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà: Hiện, chúng tôi đang tập trung đề cố gắng đến tháng 10/2024 xong việc nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, cũng như Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đặc biệt là Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thúc đẩy thực hiện phân cấp, phân quyền, cũng như đổi mới nền hành chính từ Trung ương đến cấp địa phương.

Cùng với việc xây dựng thể chế, chúng tôi sẽ hoàn thiện các chính sách để thu hút và trọng dụng người có tài năng, tiếp tục đổi mới chế độ công vụ, công chức; đưa ra những tiêu chí, tiêu chuẩn, quy định cụ thể, cơ cấu, tỷ lệ phù hợp để các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào đây thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và nghiên cứu việc xét nâng ngạch công chức.

Chúng ta phải đánh giá đúng, công bằng, đồng thời tạo động lực để cán bộ, công chức phấn đấu. Trong đó có người phấn đấu đi theo hướng chuyên gia cao cấp, một nhánh nữa nếu đủ năng lực, điều kiện sẽ quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh, chức vụ lãnh đạo.

Chúng ta phải phân luồng như thế chứ không thể để tất cả đều hướng tới mục tiêu có chức danh, chức vụ lãnh đạo, mà phải tính đến phát triển đội ngũ công chức theo hướng chuyên nghiệp và xây dựng đội ngũ chuyên gia cao cấp. Lương của những chuyên gia cao cấp sẽ tương đương với lương của Bộ trưởng, Thứ trưởng, như vậy mới khuyến khích được đội ngũ chuyên gia. Chúng tôi sẽ xây dựng cơ chế thuê chuyên gia cao cấp, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Năm 2023, Bộ Nội vụ được đánh giá là một trong những Bộ đạt kết quả toàn diện và có nhiều dấu ấn về sự thành công. Nói như Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Hội nghị tổng kết ngành là Bộ Nội vụ được giao rất nhiều nhiệm vụ về thể chế, những nhiệm vụ rất khó, rất nhạy cảm, kết quả đạt được là rất đáng khích lệ. Bộ trưởng có thể cho biết bí quyết gì trong điều hành để có được như vậy?

Phải nói rằng, trong những năm qua, Bộ Nội vụ chúng tôi luôn quan tâm đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung, quyết liệt, sát sao, có trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt là chúng tôi vừa tập trung tham mưu, tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Đảng trên lĩnh vực ngành, vừa giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt và chiến lược lâu dài.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng giao, chúng tôi luôn quyết liệt đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương để thúc đẩy công việc kịp tiến độ và đạt hiệu quả.

Chính vì vậy, công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương được duy trì thường xuyên; kịp thời trao đổi, giải đáp các kiến nghị, đề xuất nhằm tạo sự thống nhất, thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao. Đặc biệt là giải quyết những vấn đề có tính liên ngành bước đầu đã mang lại hiệu quả tốt.

Và tất nhiên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, toàn ngành Nội vụ không chỉ có quyết tâm cao, nỗ lực lớn và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, mà cần phải phát huy mọi

nguồn lực, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn. Muốn làm được điều này đòi hỏi lãnh đạo Bộ và đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trong Bộ phải đoàn kết, đồng lòng; còn để nội bộ mất đoàn kết là mất tất cả.

Với tinh thần như thế năm 2024, toàn ngành Nội vụ quyết liệt thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và đề ra phương châm hành động “Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả” nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ.

Phóng viên: Trân trọng cảm ơn Bộ trưởng!

Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn

NÂNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN LÊN ÍT NHẤT 3 BẬC

Với chủ đề 'Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động', Bộ Thông tin và Truyền thông vừa ban hành các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2024 và định hướng đến năm 2025 ở từng lĩnh vực.

Trong đó, đáng chú ý là các nội dung: Đề nghị xây dựng Luật Bưu chính sửa đổi và đánh giá, công bố xếp hạng chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp bưu chính; chuyển dịch hạ tầng viễn thông truyền thống sang hạ tầng số, ứng dụng số tạo động lực phát triển kinh tế số; thương mại hóa 5G, đôn đốc dừng công nghệ di động 2G theo lộ trình; xử lý sim rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác, cuộc gọi có dấu hiệu lừa đảo; nâng xếp hạng Chỉ số hạ tầng công nghệ thông tin lên ít nhất 3 bậc.

Với chuyển đổi số, Bộ sẽ đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh và của quốc gia.

Hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm an toàn thông tin cơ bản cho người dân trên không gian mạng. Đến năm 2025, Việt Nam thuộc nhóm 30 nước đứng đầu về Chỉ số an toàn an ninh mạng (GCI) theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU). Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí năm 2016; chấn chỉnh, xử lý “báo hóa” tạp chí, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội và biểu hiện “tư nhân hóa” báo chí.

Đẩy mạnh truyền thông nâng cao ý thức người dùng mạng; tăng cường tập hợp, kết nối những người nổi tiếng, người có sức ảnh hưởng lớn trên mạng; kịp thời khen thưởng, động viên các nhà sáng tạo nội dung số...

Nguồn: hanoimoi.vn

NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI 4 LUẬT VỀ TỔ CHỨC, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Bộ Nội vụ đang tập trung để có gắng đến tháng 10/2024 xong việc nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Về tiền lương phải đánh giá đúng, công bằng, tạo động lực để cán bộ, công chức phấn đấu.

Phấn đấu đến tháng 10/2024 xong việc nghiên cứu đề xuất sửa đổi 4 Luật

Trao đổi với báo chí về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế liên quan đến tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết: Hiện Bộ Nội vụ đang tập trung để có gắng đến tháng 10/2024 xong việc nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, cũng như Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Đặc biệt là Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thúc đẩy thực hiện phân cấp, phân quyền, cũng như đổi mới nền hành chính từ Trung ương đến cấp địa phương.

Cùng với việc xây dựng thể chế, Bộ Nội vụ sẽ hoàn thiện các chính sách để thu hút và trọng dụng người có tài năng, tiếp tục đổi mới chế độ công vụ, công chức.

Theo đó, sẽ đưa ra những tiêu chí, tiêu chuẩn, quy định cụ thể, cơ cấu, tỷ lệ phù hợp để các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào đây thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và nghiên cứu việc xét nâng ngạch công chức.

Tiền lương của những chuyên gia cao cấp sẽ tương đương lương Bộ trưởng, Thứ trưởng

Về chính sách tiền lương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh quan điểm: "Chúng ta phải đánh giá đúng, công bằng, đồng thời tạo động lực để cán bộ, công chức phấn đấu.

Trong đó, có người phấn đấu đi theo hướng chuyên gia cao cấp, một nhánh nữa nếu đủ năng lực, điều kiện sẽ quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh, chức vụ lãnh đạo.

Chúng ta phải phân luồng như thế chứ không thể để tất cả đều hướng tới mục tiêu có chức danh, chức vụ lãnh đạo, mà phải tính đến phát triển đội ngũ công chức theo hướng chuyên nghiệp và xây dựng đội ngũ chuyên gia cao cấp.

Tiền lương của những chuyên gia cao cấp sẽ tương đương với lương của Bộ trưởng, Thứ trưởng, như vậy mới khuyến khích được đội ngũ chuyên gia. Chúng tôi sẽ xây dựng cơ chế thuê chuyên gia cao cấp, thu hút và trọng dụng nhân tài".

"Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả"

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà chia sẻ thêm: Trong những năm qua, Bộ Nội vụ luôn quan tâm đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tập trung, quyết liệt, sát sao, có trọng tâm, trọng điểm.

Đặc biệt là Bộ Nội vụ vừa tập trung tham mưu, tổ chức thực hiện các chủ trương lớn của Đảng trên lĩnh vực ngành, vừa giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn bảo đảm yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ trước mắt và chiến lược lâu dài.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phối hợp trong thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng giao, Bộ Nội vụ luôn quyết liệt đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương để thúc đẩy công việc kịp tiến độ và đạt hiệu quả.

Chính vì vậy, công tác phối hợp giữa Bộ Nội vụ với các bộ, ngành, địa phương được duy trì thường xuyên; kịp thời trao đổi, giải đáp các kiến nghị, đề xuất nhằm tạo sự thống nhất, thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao. Đặc biệt là giải quyết những vấn đề có tính liên ngành bước đầu đã mang lại hiệu quả tốt.

Và tất nhiên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, toàn ngành Nội vụ không chỉ có quyết tâm cao, nỗ lực lớn và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, mà cần phải phát huy mọi nguồn lực, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn. Muốn làm được điều này đòi hỏi lãnh đạo Bộ và đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động trong Bộ phải đoàn kết, đồng lòng; còn để nội bộ mất đoàn kết là mất tất cả.

Với tinh thần như thế năm 2024, toàn ngành Nội vụ quyết liệt thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và đề ra phương châm hành động "Kỷ cương, gương mẫu, chuyên nghiệp, hiệu quả" nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Nội vụ.

Nguồn: xaydungchinhsach.chinhphu.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Thông tin và Truyền thông đang dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông nhằm tạo căn cứ pháp lý để triển khai các quy định của Luật Viễn thông vào thực tiễn cuộc sống.**

Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 24/11/2023 tại kỳ họp thứ 6 và được Chủ tịch nước công bố tại Lệnh số 11/2023/L-CTN ngày 01/12/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 (quy định về quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet có hiệu lực từ ngày 01/01/2025).

Luật Viễn thông là văn bản có phạm vi tác động rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực của hoạt động viễn thông, từ hạ tầng viễn thông, dịch vụ viễn thông, đến quản lý nhà nước về viễn thông. Một số quy định có tính mới trong luật cần có hướng dẫn chi tiết để bảo đảm thống

nhất trong tổ chức thực thi như: Hình thức cấp giấy phép viễn thông (cấp phép riêng, cấp phép nhóm); hình thức đăng ký, thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông; quản lý thẻ và tài khoản SIM; quản lý thông tin thuê bao, cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới,...

Ngoài ra, sau hơn 12 năm thi hành Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông năm 2009 cũng đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung.

Do đó, việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông là cần thiết nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong cách tổ chức thực thi một số quy định của Luật Viễn thông; tạo căn cứ pháp lý để triển khai các quy định của Luật Viễn thông vào thực tiễn cuộc sống; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của các quy định tại Luật Viễn thông.

Dự thảo Nghị định bao gồm 07 Chương, 87 Điều, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông: Chương I: gồm 01 Điều, quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Chương II: gồm 29 Điều, từ Điều 2 đến Điều 30 quy định về kinh doanh dịch vụ viễn thông. Chương III: gồm 20 Điều, từ Điều 31 đến Điều 50 quy định về cấp phép viễn thông. Chương IV: gồm 02 Điều, từ Điều 51 đến Điều 52 quy định về quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông. Chương V: gồm 28 Điều, từ Điều 53 đến Điều 80 quy định về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương. Chương VI: gồm 04 Điều, từ Điều 81 đến Điều 84 quy định về công trình viễn thông. Chương VII: gồm 03 Điều, từ Điều 85 đến Điều 87 quy định về điều khoản thi hành.

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.**

Theo dự thảo, mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

| Số TT | Loại thông tin, dữ liệu | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------|-------------|----------------|---|
| I | Số liệu của mạng lưới đo đạc quốc gia | | | |
| 1 | Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia | | | |
| 1.1 | Cấp 0 | điểm | 340.000 | |
| 1.2 | Hạng I | điểm | 250.000 | |
| 1.3 | Hạng II | điểm | 220.000 | |
| 1.4 | Hạng III | điểm | 200.000 | Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở |
| 2 | Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia | | | |
| 2.1 | Hạng I | điểm | 160.000 | |

| Số TT | Loại thông tin, dữ liệu | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) | Ghi chú |
|-------|--|-------------|----------------|---------|
| 2.2 | Hạng II | điểm | 150.000 | |
| 2.3 | Hạng III | điểm | 120.000 | |
| 3 | Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia | | | |
| 3.1 | Điểm cơ sở | điểm | 200.000 | |
| 3.2 | Hạng I | điểm | 160.000 | |
| 3.3 | Hạng II | điểm | 140.000 | |

Tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này là cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

Tổ chức thu phí được trích để lại 60% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí và nộp 40% vào ngân sách nhà nước; trừ trường hợp quy định dưới đây.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thu được theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Dự thảo nêu rõ, miễn phí đối với trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công để phục vụ: a) Mục đích quốc phòng, an ninh trong tình trạng khẩn cấp; b) Phòng, chống thiên tai trong tình trạng khẩn cấp.

Tình trạng khẩn cấp quy định tại khoản này được xác định theo quy định của Luật Quốc phòng.

Mức thu phí bằng 60% mức thu phí tương ứng tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản đề nghị khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc tài sản công cho mục đích quốc phòng, an ninh, trừ trường hợp quy định trên.

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết, chế độ báo cáo thống kê là một trong những hình thức chủ yếu, quan trọng và được sử dụng lâu dài để thu thập, tổng hợp thông tin thống kê, đáp ứng kịp thời việc cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội cho Đảng và Nhà nước. Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê ban hành theo Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT bao gồm 75 biểu đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh phân công cho các Cục Thống kê thu thập và hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch Đầu tư và Thống kê (do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện) có phân tổ đến cấp tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT cũng còn một số những bất cập, vướng mắc đòi hỏi cần phải xây dựng mới cho phù hợp nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quy định của Luật Thống kê sửa đổi.

So với Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT, dự thảo có một số nội dung thay đổi như sau:

Về phạm vi điều chỉnh: Bổ sung quy định thu thập thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP và các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội.

Về nội dung chế độ báo cáo thống kê: Bổ sung quy định về mục đích, phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng thực hiện báo cáo thống kê.

Về biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê: Loại bỏ biểu mẫu báo cáo (do chỉ tiêu thống kê đã bị loại bỏ); Bổ sung các biểu mẫu báo cáo (do các chỉ tiêu thống kê mới bổ sung, biểu mẫu thu thập thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP, chỉ tiêu GRDP và các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội).

Về số lượng biểu báo cáo thống kê: Số lượng biểu giảm từ 75 biểu còn 70 biểu, cụ thể như sau: (1) Lĩnh vực Tài khoản quốc gia: 04 biểu (giảm 05 biểu). (2) Lĩnh vực thống kê Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản: 26 biểu (tăng 07 biểu). (3) Lĩnh vực thống kê Công nghiệp: 05 biểu (số lượng biểu không thay đổi). (4) Lĩnh vực thống kê Vốn đầu tư và Xây dựng: 12 biểu (giảm 03 biểu). (5) Lĩnh vực thống kê Thương mại và Dịch vụ: 20 biểu (số lượng biểu không thay đổi). (6) Lĩnh vực thống kê Xã hội và Môi trường: 03 biểu (giảm 04 biểu).

*** Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.**

Dự thảo hướng dẫn cụ thể về việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu. Theo đó, thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu trên Hệ thống, bao gồm: Thông tin chung về nhà thầu; Số liệu về báo cáo tài chính hằng năm; Thông tin về các hợp đồng đã và đang thực hiện; Thông tin về nhân sự chủ chốt; Thông tin về máy móc, thiết bị; Thông tin về uy tín của nhà thầu.

Nhà thầu chủ động cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình theo quy định trên Hệ thống và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin đã kê khai trên Hệ thống. Trường hợp nhà thầu tự thực hiện việc chỉnh sửa trên Hệ thống, Hệ thống sẽ lưu lại toàn bộ các thông tin trước và sau khi nhà thầu thực hiện chỉnh sửa. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu được xác thực bằng chữ ký số của nhà thầu.

Nhà thầu cần đính kèm các văn bản, tài liệu để chứng minh tính xác thực về năng lực, kinh nghiệm, tài liệu đính kèm sẽ được lưu trữ và quản lý trên Hệ thống.

Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào thì bị coi là gian lận theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Thông tin về kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chủ đầu tư đăng tải trên Hệ thống trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Thông tin cơ bản về dự án được đăng tải đồng thời với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Chủ đầu tư phải đính kèm quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong quá trình đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa phải công khai chi tiết thông tin về các hạng mục hàng hóa trúng thầu bao gồm các nội dung sau: Danh mục hàng hóa; Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản; Đơn vị tính; Khối lượng; Đơn giá trúng thầu.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.**

Dự thảo Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường cao đẳng sư phạm (gọi là cơ sở giáo dục) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Dự thảo nêu rõ mục tiêu và nguyên tắc xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật. Theo đó, định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kế hoạch, xây dựng, phê duyệt đơn giá, giá dịch vụ giáo dục đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục đào tạo theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tiết kiệm.

Các cơ sở giáo dục công lập xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục; xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo để thực hiện các dịch vụ giáo dục đào tạo do cơ sở giáo dục cung cấp. Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

Căn cứ vào tình hình thực tế của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, các cơ sở giáo dục có thể phân loại định mức kinh tế kỹ thuật theo các nhóm sau:

Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp Bộ là định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các dịch vụ giáo dục đại học để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương là định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề thuộc dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông, dịch vụ giáo dục trung cấp sư phạm và cao đẳng sư phạm,

dịch vụ giáo dục thường xuyên của địa phương để áp dụng trong phạm vi các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục trực thuộc địa phương.

Định mức kinh tế - kỹ thuật theo 05 nhóm Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật gồm: Quy định về chương trình giáo dục, chương trình đào tạo, chuẩn khối lượng kiến thức, chuẩn năng lực đầu ra của người học tương ứng mỗi cấp học và trình độ đào tạo.

Quy định Điều lệ trường mầm non; Điều lệ trường tiểu học; Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên; trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, trường đại học; định mức, chế độ làm việc của nhà giáo, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ; định mức trang thiết bị giảng dạy, học tập.

Điều kiện thực tế hoạt động của các cơ sở giáo dục về cơ sở vật chất, bao gồm: công trình xây dựng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, sách giáo khoa, tài liệu.

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp (giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...) + Định mức lao động gián tiếp (quản lý; phục vụ...).

Định mức lao động trực tiếp là thời gian giảng dạy lý thuyết; hướng dẫn thực hành; hướng dẫn tiểu luận, luận án, luận văn...

Định mức lao động gián tiếp được tính theo tỷ lệ % của lao động trực tiếp.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: HIỆU QUẢ TỪ TINH THẦN ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO

Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, gắn với nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, đã tạo động lực để TP. Hà Nội giành được những kết quả quan trọng trong triển khai các nghị quyết năm 2023... Đây là tiền đề để TP. Hà Nội tiếp tục đổi mới, tạo đột phá trong năm 2024.

Tạo những bước đột phá trong phát triển

“Đảng bộ TP. Hà Nội đã thực hiện rất tốt Nghị quyết của Đảng bộ thành phố trên nhiều phương diện, với một khối lượng công việc lớn và mới được triển khai hiệu quả trên tinh thần đổi mới, sáng tạo, không chỉ tạo ra những đột phá nổi trội về phát triển kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị, mà cả đổi mới trong hoạt động của hệ thống chính quyền đô thị...” - đây là nhận định được nhiều chuyên gia đưa ra khi nhìn lại năm 2023, năm đánh dấu nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ TP. Hà Nội khóa XVII.

Năm 2023, là năm thứ ba liên tiếp, TP. Hà Nội thực hiện chủ đề công tác “Kỷ cương, kỷ luật, hành động, sáng tạo, phát triển”. 5 thành tố của chủ đề này cũng chính là 5 đặc điểm chủ yếu trong phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng TP. Hà Nội mà đứng đầu là Thành ủy kiên trì xây dựng. Với việc nâng cao công tác xây dựng Đảng, cùng tinh thần xuyên suốt là đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; phân công, phân cấp, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, từ đó phương thức lãnh đạo của Thành ủy và các cấp ủy được lan tỏa mạnh mẽ, quyết liệt tới cơ sở.

Như lãnh đạo thành phố đã nhận định, TP. Hà Nội đã đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua các chủ trương rất quyết liệt, đụng chạm đến những lĩnh vực rất khó như phân cấp, ủy quyền; luân chuyển, điều động; đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy, bố trí sắp xếp cán bộ... Trong đó, đã có những quyết định mang tính đột phá, với những bước đi vững chắc, chương trình hành động thích hợp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ. Đây cũng là nguyên nhân giúp TP. Hà Nội triển khai các nghị quyết trong năm 2023 đạt kết quả toàn diện.

Trong bối cảnh khó khăn, kinh tế TP. Hà Nội vẫn bền bỉ tăng trưởng, mức tăng GRDP 6,27% năm 2023, tuy chưa đạt mục tiêu của thành phố song vẫn cao hơn tăng trưởng chung của cả nước là 5,05%; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố đạt 410.510 tỷ đồng (vượt 16,3% dự toán, tăng 23% so với năm 2022). Thu nhập của người dân vì thế tiếp tục cải thiện, lên mức bình quân 150 triệu đồng/người/năm.

Với một lĩnh vực trọng tâm là quyết liệt thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, Thường trực, Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã phân công từng đồng chí theo dõi địa bàn rà soát hằng ngày; ngoài ra, với từng dự án thành phần, đều có báo cáo hằng tháng. Đến ngày 15/1/2024, TP. Hà

Nội đã giải ngân được 50.690 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 95,5% kế hoạch thành phố giao (bao gồm cả số vốn giao bổ sung tháng 12/2023), đạt mục tiêu đề ra từ đầu năm 2023. Với kết quả này, TP. Hà Nội là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

Đặc biệt, TP. Hà Nội đã thực hiện nhiều công việc quan trọng mang tính chiến lược, dài hơi, tạo tiền đề cho sự phát triển của Thủ đô giai đoạn tới. Trong đó, tinh thần dám nghĩ, dám làm, ý chí quyết tâm được các cấp ủy Đảng mà đứng đầu là Thành ủy thể hiện rõ trong chỉ đạo triển khai dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô. Chỉ sau 1 năm kể từ khi Quốc hội thông qua Nghị quyết về dự án, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân, TP. Hà Nội đã đi đầu thực hiện vượt tiến độ giải phóng mặt bằng, khởi công sớm hơn kế hoạch. Đến nay, giải phóng mặt bằng toàn dự án đã đạt hơn 93%, riêng TP. Hà Nội đạt hơn 96%, tiến độ triển khai dự án rất khả quan để về đích đúng tiến độ.

Hà Nội cũng triển khai các bước rất quan trọng hiện thực hóa tầm nhìn và khát vọng phát triển Thủ đô với 3 nội dung lớn. Đó là phối hợp xây dựng Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) để tháo gỡ khó khăn về thể chế; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bố trí không gian phát triển. Cả ba nhiệm vụ đến nay đều đã cho kết quả tốt. Dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) đã được Quốc hội cho ý kiến với sự đồng thuận rất cao tại Kỳ họp thứ 6. Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội đã thông qua Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Đối với Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các báo cáo quan trọng đã được hoàn thành.

Tăng cường kỷ cương, trách nhiệm

TP. Hà Nội đã bước vào năm 2024 - năm kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng bộ TP. Hà Nội (17/3/1930 - 17/3/2024), 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2024), năm rất quan trọng để TP. Hà Nội thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVII, với tinh thần xuyên suốt là đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Từ đó, góp vào hiện thực mục tiêu cao hơn, xa hơn, để đưa Thủ đô Hà Nội phát triển nhanh và bền vững, trở thành thành phố “xanh - thông minh - hiện đại”, phát triển năng động, hiệu quả, có sức cạnh tranh khu vực, quốc tế...

Trong đó, ngay từ những ngày đầu năm 2024, các cấp ủy, đơn vị từ TP. Hà Nội đến cơ sở đã vào cuộc quyết liệt trong thực hiện 24 chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra. Trong đó, tiếp tục thực hiện chủ đề công tác năm là “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển” gắn với tăng cường thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 về “Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị TP. Hà Nội”. Đồng thời, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh...

Cùng với đó, TP. Hà Nội đang hướng tới mục tiêu trình và được Quốc hội thông qua ba nội dung quan trọng là Luật Thủ đô (sửa đổi) và 2 quy hoạch mang tầm chiến lược của Thủ đô (điều chỉnh Quy hoạch chung đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 và Quy hoạch Thủ

đô Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) vào Kỳ họp thứ 7 diễn ra tháng 5/2024. Đồng thời, hiện lãnh đạo TP. Hà Nội đang chỉ đạo các cơ quan chủ động chuẩn bị sẵn sàng các nội dung cần thiết để khi các nội dung này được thông qua, nhất là Luật Thủ đô (sửa đổi) có thể triển khai, đưa vào đời sống, phát huy hiệu quả được ngay.

Những ngày này, song song với việc chỉ đạo chuẩn bị tổ chức các ngày lễ lớn, chăm lo Tết cho Nhân dân, TP. Hà Nội cũng tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô và các đồ án, dự án, công trình trọng tâm, trọng điểm của thành phố. Để thực hiện tốt được những nhiệm vụ này, TP. Hà Nội tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 24/CT-UBND nhằm tạo chuyển biến về thực chất trong tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị; gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số; tăng cường phân cấp, ủy quyền, cải cách hành chính để xây dựng chính quyền phục vụ, thực sự vì dân.

Nguồn: kinhtedothi.vn

SƠN LA: CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Chỉ với điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng được cài đặt các ứng dụng di động, khách hàng có thể chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, kiểm tra số dư, mở mới hoặc đóng thẻ cũ, thậm chí mở tài khoản và gửi tiền... Đó là kết quả bước đầu của ngành ngân hàng Sơn La hướng tới Ngân hàng số.

Toàn tỉnh Sơn La hiện có 20 tổ chức tín dụng; 330 phòng, điểm giao dịch. Năm 2023, ngành ngân hàng Sơn La tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử, thanh toán thẻ trên địa bàn. Nhờ đó, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng cả về số lượng và giá trị; hệ thống thanh toán vận hành ổn định, thông suốt, an toàn. Các sản phẩm dịch vụ ngành ngân hàng cung ứng cho khách hàng được số hóa hiện đại, góp phần hỗ trợ khả năng tiếp cận dịch vụ của khách hàng trên địa bàn.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Sơn La là một trong những ngân hàng thương mại tích cực chuyển đổi số gắn với phát triển khách hàng số. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã vận động khách hàng chuyển đổi từ ATM thẻ từ sang ATM thẻ chip, cài đặt và sử dụng ngân hàng số BIDV SmartBanking; hướng dẫn khách hàng giao dịch điện tử trực tuyến, hạn chế và giảm dần giao dịch tiền mặt, giao dịch trực tiếp tại quầy... Đồng thời, mở rộng mạng lưới hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư được tiếp cận, sử dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng và nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sơn La Nguyễn Thế Dũng cho biết: Các tính năng của ngân hàng số, gồm: Nạp tiền vào tài khoản từ nhiều

nguồn; chuyển tiền trong và ngoài ngân hàng, chuyển tiền quốc tế; thanh toán hóa đơn; vay nợ ngân hàng; gửi tiền tiết kiệm; tham gia các sản phẩm tài chính đầu tư, bảo hiểm; quản lý tài chính cá nhân và doanh nghiệp... Giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí và hợp lý hóa các quy trình hoạt động và mang lại cho khách hàng những trải nghiệm tiện ích, tiết kiệm thời gian và hấp dẫn hơn.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) Chi nhánh Sơn La là một trong những ngân hàng thương mại tiên phong trong chuyển đổi số, mở tài khoản và nhận biết khách hàng bằng phương thức điện tử eKYC (định danh khách hàng điện tử); cung ứng dịch vụ ngân hàng điện tử, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật (QR, thẻ chip); triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại như: Dịch vụ SMS, E Mobile banking, internet banking, ngân hàng điện tử (e banking); tăng cường chuẩn hóa, tăng tính liên thông trong ngành ngân hàng và giữa ngân hàng với các ngành, lĩnh vực khác.

Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Sơn La Vũ Văn Bằng thông tin: Chi nhánh Sơn La đang duy trì hoạt động định kỳ 45 điểm giao dịch; 3 xe ô tô chuyên dùng giao dịch lưu động tại trung tâm các xã, cụm xã; 29 máy ATM/CDM' 1 ngân hàng số' 105 POS; trên 5.670 điểm chấp nhận thanh toán bằng mã VietQR trên địa bàn toàn tỉnh. Các dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong các giao dịch chuyển và nhận tiền trực tuyến, thanh toán hóa đơn, mua sắm... Đến ngày 8/1/2024, tổng nguồn vốn đạt trên 10.560 tỷ đồng, tổng dư nợ trên 16.400 tỷ đồng; trên 43.000 khách hàng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, đầu tư sản xuất kinh doanh, giúp nông dân có vốn sản xuất.

Bà Nguyễn Thị Phượng, phường Chiềng Cơi, chia sẻ: Tôi đã đăng ký thông báo số tiền và trích lập thanh toán tự động hằng tháng qua tài khoản ngân hàng Agribank các khoản tiền dịch vụ của gia đình, như cước tiền điện, nước, internet... Tôi thấy ứng dụng có nhiều tiện ích, như nạp tiền vào tài khoản từ nhiều nguồn; chuyển tiền trong và ngoài ngân hàng, gửi tiền tiết kiệm, quản lý dịch vụ tài chính cá nhân và doanh nghiệp rất thuận lợi không phải đến ngân hàng xếp hàng chờ đợi như trước.

Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sơn La Lê Cao Cường cho biết: Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới ngân hàng số. Năm 2023, toàn tỉnh Sơn La có 77 máy giao dịch tự động ATM/CDM, 223 điểm chấp nhận thẻ POS; lũy kế các tổ chức tín dụng phát hành gần 680 nghìn thẻ ATM; lũy kế tổng thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh đạt gần 103 ngàn tỷ đồng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng, ngành Ngân hàng Sơn La tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp; đổi mới toàn diện hoạt động quản lý theo hướng hiện đại; phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng, cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hướng tự động hóa quy trình... Phấn đấu đến năm 2025, ít nhất 50% các nghiệp vụ ngân hàng cho phép khách hàng thực hiện hoàn toàn trên môi trường số; 50% số người trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử; 70% số lượng giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua các kênh số...

Nguồn: baosonla.org.vn

PHÚ THỌ: CHUYÊN ĐỔI SỐ, HƯỚNG TỚI HẢI QUAN THÔNG MINH

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, việc đẩy mạnh chuyển đổi số là cơ sở quan trọng để xây dựng hải quan số, hướng tới hải quan thông minh. Xác định được điều đó, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ đã thực hiện nhiều giải pháp, vừa tạo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra cho hải quan trong tình hình mới.

Đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hiện có 291 doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu. Để tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp thực hiện làm thủ tục thông quan cho hàng hóa, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ bốn đối với tất cả các khâu nghiệp vụ. Đến nay, 99,9% thủ tục hải quan được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng.

Mọi thủ tục làm hồ sơ thông quan cho doanh nghiệp được thực hiện nhanh chóng, nhất là đối với hồ sơ luồng xanh thời gian giải quyết được tính bằng giây, hệ thống sẽ tự động thông quan ngay khi được phân vào luồng xanh; đối với hồ sơ thuộc luồng vàng, Chi cục thực hiện thông quan hàng hóa trong thời gian không quá một giờ làm việc đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; hồ sơ thuộc luồng đỏ, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ thực hiện thông quan hàng hóa ngay khi hàng hóa được xác nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa phù hợp với quy định. Trong năm 2023, hệ thống tiếp nhận, phân luồng kiểm tra cho 144.887 lô hàng đăng ký làm thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ, trong đó hồ sơ thuộc luồng xanh 113.308 tờ khai, đạt 78,2%; hồ sơ thuộc luồng vàng 27.720 tờ khai, đạt 19,1%; hồ sơ thuộc luồng đỏ 3.659 tờ khai, đạt 2,5%.

Nhằm giúp hoạt động vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp nhanh chóng lưu thông, tránh tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ bố trí cán bộ trực làm việc cả ngoài giờ như: Sau 17 giờ các ngày trong tuần, trực làm việc tất cả các ngày thứ bảy hàng tuần, trực làm việc tất cả những ngày lễ, Tết.

Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ cũng đã phối hợp với các ngân hàng thương mại thực hiện nộp thuế điện tử, theo đó các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng phương thức điện tử tiên tiến. Việc triển khai hệ thống nộp thuế điện tử và thông quan 24/7 không chỉ phục vụ cho cơ quan Hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn giúp cho các cơ quan thực hiện công tác quản lý nhà nước hiệu quả.

Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp làm thủ tục xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh cũng như các tỉnh lân cận đến làm thủ tục hải quan tại tỉnh Phú Thọ, Chi cục Hải quan tỉnh chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn chính sách mới; tháo gỡ, giải quyết các

vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp qua nhiều hình thức như trao đổi trực tiếp, email, điện thoại... Bên cạnh đó, công tác xét miễn, giảm, hoàn thuế, không thu thuế, quyết toán hàng gia công và sản xuất xuất khẩu được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật.

Trong năm, công tác thanh tra, kiểm tra được Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ thực hiện nghiêm túc. Đơn vị đẩy mạnh cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu xuống dưới 15%, cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục... Đồng thời, đổi mới phương pháp làm việc trong công tác kiểm tra sau thông quan: Rà soát hồ sơ luồng xanh, kiểm tra trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu, mã HS, C/O; tập trung kiểm tra các tờ khai loại hình A12, B11 để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan.

Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ đã tiến hành lắp đặt hệ thống camera giám sát từ xa đối với 26 doanh nghiệp chế xuất trên địa bàn tỉnh tại Cảng ICD Thụy Vân. Việc làm này góp phần đơn giản hóa thủ tục hải quan về công tác giám sát song vẫn đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa nhanh chóng, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ hải quan và doanh nghiệp, giảm số lượng hành chính về giấy tờ, thủ tục, đảm bảo các điều kiện mở tờ khai hải quan miễn thuế, không thu thuế cho các doanh nghiệp đó.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

Nhờ tích cực cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước lĩnh vực hải quan đã giúp quy trình giải quyết các thủ tục hải quan công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, tiết kiệm chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cũng như hạn chế phát sinh tiêu cực trong quá trình giải quyết dịch vụ công, thu hút mới doanh nghiệp đến làm thủ tục... Trong năm 2023, Chi cục đã thu hút được 70 doanh nghiệp mới đến làm thủ tục, góp phần tăng thu ngân sách cho tỉnh, đồng thời ra quyết định không thu thuế đối với 20 hồ sơ, số tiền thuế gần 766 triệu đồng, quyết định hoàn thuế đối với 34 hồ sơ, số tiền thuế gần 16 triệu đồng. Công tác quản lý thuế được đơn vị theo dõi chặt chẽ, không để phát sinh nợ thuế mới.

Với những giải pháp đồng bộ của Hải quan tỉnh Phú Thọ đã góp phần quan trọng trong việc duy trì mức tăng trưởng lĩnh vực xuất nhập khẩu của tỉnh. Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 19,6 tỷ USD; công tác thu thuế xuất nhập khẩu đạt trên 532 tỷ đồng, đạt 133% so với chỉ tiêu được giao.

Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ Nguyễn Thái Bình cho biết: Để có được kết quả trên, ngay từ đầu năm, Chi cục đã xây dựng kế hoạch, quyết liệt triển khai thực hiện các chỉ tiêu được giao. Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ chủ động làm tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Phú Thọ; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chức năng nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu và tăng thu ngân sách nhà nước tại địa phương. Hải quan tỉnh Phú Thọ luôn đặt mục tiêu cải cách thủ tục hành chính phải bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; nói đi đôi với làm, gắn với kết quả cụ thể, thực chất, không hình thức. Với phương châm “Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và

là mục tiêu, động lực; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả”, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, quy trình nghiệp vụ hải quan; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ, văn hóa ứng xử, đề cao vai trò người đứng đầu, tạo sự thân thiện, cải thiện quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân và doanh nghiệp.

Thời gian tới, Chi cục Hải quan tỉnh Phú Thọ tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ hải quan một cách toàn diện, đồng bộ với chuyển đổi số phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu; hướng tới xây dựng hải quan thông minh, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đáp ứng nhu cầu xử lý tự động tất cả các khâu nghiệp vụ hải quan từ khâu đầu đến khâu cuối, thực hiện thủ tục hải quan mọi lúc, mọi nơi, trên mọi phương tiện...

Nguồn: baophutho.vn

THANH HÓA: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH BƯỚC ĐỘT PHÁ ĐẦY ẨM TƯỢNG

Hơn 10 năm chính thức tham gia các Bộ Chỉ số cải cách hành chính, năm 2023 là năm thành công nhất của tỉnh Thanh Hóa khi lần đầu tiên xác lập cùng lúc nhiều 'kỷ lục' vô cùng ấn tượng, đưa tỉnh Thanh Hóa trở thành 'nhân tố mới' trên bảng xếp hạng của cả nước.

Cuộc bứt phá “ngoạn mục” chưa từng có từ trước đến nay được ghi dấu bằng những “con số đẹp” đó là: xếp thứ 3 cả nước về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; xếp thứ 5 Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và thứ 10 Chỉ số cải cách hành chính. Vượt qua những dự đoán không mấy khả quan của nhiều người khi cho rằng, năm 2022 Thanh Hóa đã gần “chạm ngưỡng” cải cách khi đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh thì rất khó để có thể giữ vững thứ hạng này và không dễ dàng ghi thêm điểm trong mắt người dân. Thế nhưng, với quyết tâm vượt qua chính mình, tỉnh Thanh Hóa vẫn rất xuất sắc khi một lần nữa được “xướng tên” ở vị trí thứ 3 Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh với 46,01 điểm. Liên tiếp 2 năm liên tục nằm trong top 3 của cả nước là một kết quả không hề dễ để có được.

Cùng với hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, tỉnh Thanh Hóa rất phấn khởi khi được vinh danh ở vị trí thứ 5 về Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính. Nhiều năm xếp ở vị trí thấp trong bảng xếp hạng Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, đây là năm đầu tiên tỉnh Thanh Hóa bứt phá mạnh mẽ, vươn lên nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Thành quả ngọt ngào này là sự cộng hưởng của giá trị niềm tin từ Nhân dân; cũng là sự phản ánh thực chất, khách quan nhất cho hiệu quả chỉ đạo, điều hành của bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở khi kiên trì, nhất quán thực hiện mục tiêu vì Nhân dân phục vụ.

Tỉnh Thanh Hóa không chỉ dồn lực cho một chỉ số nhất định mà các chỉ số đều được thực hiện một cách đồng bộ với quyết tâm chính trị rất cao. Nếu như trước đây, nhắc tới Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Thanh Hóa, người ta nghĩ ngay đến top cuối của cả nước, không có

gì nổi bật. Thế nhưng, 2 năm trở lại đây, cái tên tỉnh Thanh Hóa đã thực sự gây ấn tượng mạnh khi có những thay đổi vượt bậc trong xây dựng nền hành chính hiện đại. Có thể khẳng định như vậy khi chỉ trong 5 năm, tỉnh Thanh Hóa đã tăng tới 51 bậc. Từ chỗ xếp thứ 61 (năm 2017), tỉnh Thanh Hóa đã “qua mặt” nhiều tỉnh, thành phố để “cán đích” ở vị trí thứ 10 với 87,11 điểm. Hàng loạt những cách làm mới được áp dụng vào thực tế là minh chứng rõ nét về một Thanh Hóa không ngừng đổi mới trong định hướng, tư duy và hành động, giúp Thanh Hóa sau nhiều năm tham dự bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính, lần đầu tiên được vinh danh ở vị trí thứ 10 của cả nước.

Sự cải thiện đáng kể về điểm số và vị trí xếp hạng trên “đường đua” đã đưa tỉnh Thanh Hóa trở thành địa phương nằm trong top đầu ở nhiều lĩnh vực. Điển hình như tỉnh Thanh Hóa là một trong những địa phương đầu tiên thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa chính quyền và doanh nghiệp; là một trong những địa phương đầu tiên ban hành tiêu chí chuyên đổi số cấp xã. Tỉnh Thanh Hóa cũng đi tiên phong trong việc hoàn thành kết nối chính thức giữa Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin “một cửa” của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành và đưa vào triển khai, sử dụng Cổng dữ liệu mở của tỉnh với 15 nhóm dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh...

Kết quả xếp hạng các Chỉ số cải cách hành chính đã mang đến một bức tranh khá toàn diện về chất lượng cung ứng dịch vụ công và là hiện thực sinh động cho khát vọng phát triển không ngừng của tỉnh Thanh Hóa. Bởi, những nỗ lực trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà tỉnh ưu tiên thực hiện chính là “chìa khóa” giúp tỉnh Thanh Hóa ghi nhiều dấu ấn đậm nét lên bức tranh phát triển kinh tế - xã hội. Ví như năm 2023, kinh tế của tỉnh Thanh Hóa tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) cán mốc 7,01%, đứng thứ 3 trong nhóm các tỉnh, thành phố có quy mô GRDP lớn nhất cả nước; thu ngân sách Nhà nước ước đạt 40.310 tỷ đồng, vượt 14,1% so với dự toán, đứng thứ 8 trong các tỉnh, thành phố có tổng số thu ngân sách cao nhất cả nước. Đặc biệt, năm 2023 tiếp tục chứng tỏ sức hút của tỉnh Thanh Hóa - điểm đến đầy tiềm năng, độ tin cậy cao, an toàn và hấp dẫn các nhà đầu tư khi những dự án nghìn tỷ tiếp tục được triển khai. Điều này cho thấy thành công của tỉnh Thanh Hóa trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đưa Thanh Hóa tiến những bước dài trong sự phát triển.

Sự quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành với những quyết sách đúng, trúng, hiệu quả là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp tỉnh Thanh Hóa hiện thực hóa thành công mục tiêu lớn “nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về các Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính”. Bước tiến mới với các “chỉ số đẹp” mà tỉnh đạt được là nền tảng quan trọng để Thanh Hóa tiếp tục bứt phá mạnh mẽ nhằm tiệm cận các mục tiêu cao hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Nguồn: baothanhhoa.vn

GIA LAI: TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN 06

Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, tỉnh Gia Lai đang nỗ lực triển khai thực hiện Đề án 'Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030' (Đề án 06).

“Điểm sáng” trong chuyển đổi số

Sau 2 năm triển khai thực hiện, Đề án 06 của tỉnh Gia Lai đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Hiện, tỉnh Gia Lai đã hoàn thành 47/102 nhiệm vụ, 36 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên và đang triển khai thêm 19 nhiệm vụ. Toàn bộ thủ tục hành chính của tỉnh được cung cấp theo dịch vụ công trực tuyến, trong đó cung cấp 943 dịch vụ công trực tuyến một phần và 982 dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Tỉnh Gia Lai cũng đã hoàn thành cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 16/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, 23/25 dịch vụ công thiết yếu đã thực hiện toàn trình.

Trong năm 2023, toàn tỉnh Gia Lai đã tiếp nhận, giải quyết 778.046 hồ sơ, trong đó, tiếp nhận và trả kết quả qua Cổng dịch vụ công 518.730 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 66.7%), cao hơn chỉ tiêu Ủy ban nhân dân giao năm 2023 tối thiểu 60%. Nhiều lĩnh vực tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, như: lĩnh vực bảo hiểm (tại vùng đô thị có 53% số người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; 86% số người hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần; 97% số người hưởng trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản ngân hàng); lĩnh vực y tế (16/26 cơ sở khám, chữa bệnh triển khai thanh toán khám, chữa bệnh không dùng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 61.5%, cao hơn 10% so với chỉ tiêu đề ra).

Kết quả về đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu quốc gia về dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử trên các lĩnh vực cũng đạt những kết quả đáng mừng, như viễn thông (làm sạch 24.088 thông tin thuê bao di động); giao thông vận tải (ứng dụng VneID mức độ 2 với hành khách đi tàu bay tại các chuyến bay nội địa); bảo hiểm (làm sạch 8.123 thông tin bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội trong các khu công nghiệp, 1.227.984 thông tin bảo hiểm y tế tích hợp thẻ căn cước công dân, triển khai xác thực sinh trắc học trên thẻ căn cước công dân); thuế (làm sạch 156.758 thông tin người nộp thuế);... Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp tài khoản VNeID đạt 66.8% (843.822/1.262.597 dân số); hoàn thành công tác cấp thẻ căn cước công dân cho 100% công dân đủ điều kiện.

Về kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; số hóa sổ hộ tịch, số hóa sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cập nhật, làm giàu, làm sạch các Cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, bảo hiểm, an sinh xã hội, thuế, hộ tịch, trẻ em,... đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đề án 06 tỉnh Gia Lai Trương Hải Long khẳng định: “Với sự chỉ đạo quyết liệt và sự sáng tạo trong tổ

chức thực hiện, nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và nhân dân về chuyển đổi số nói chung, Đề án 06 nói riêng có sự chuyển biến tích cực, đã nhìn nhận rõ hơn về thực trạng hạ tầng, nhân lực, dữ liệu, an ninh, an toàn và yêu cầu hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực hiện Đề án 06. Niềm tin vào thành công của chuyển đổi số được nâng lên. Nhiều tiện ích từ dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh điện tử được cung cấp, người dân và xã hội được thụ hưởng ngày càng tốt hơn. Các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo thẩm quyền, trách nhiệm của tỉnh dần được hình thành, hoàn thiện để kết nối, chia sẻ phục vụ chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia thường xuyên được cập nhật, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”...”.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu

Mới đây, ngày 29/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 219/UBND-NC về việc Triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024. Tiếp tục xác định lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, Kế hoạch đưa ra các mục tiêu chính, gồm: tiếp tục duy trì, thúc đẩy, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp, hoàn thành các nhiệm vụ Đề án 06 trong năm 2024, triển khai ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính; huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; khắc phục các khó khăn, vướng mắc, hạn chế “điểm nghẽn” phát sinh trong quá trình thực hiện; sử dụng các điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin có sẵn của tỉnh và tiếp tục nâng cấp để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06.

Kế hoạch đề ra 5 nhiệm vụ với sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Cụ thể, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan được giao chủ trì, thực hiện 2 nhiệm vụ gồm: người đứng đầu các địa phương tăng cường chỉ đạo, có cơ chế kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 để hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ vướng mắc cho cơ sở; tổ chức thực hiện quy định bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, Giấy xác nhận cư trú trên địa bàn tỉnh. Công an tỉnh được giao chủ trì thực hiện 2 nhiệm vụ, gồm: rà soát, đánh giá hiện trạng các Cơ sở dữ liệu dân số do các sở, ngành quản lý và phối hợp xây dựng Quy chế khung thống nhất phương pháp, cách thức chia sẻ các Cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư của quốc gia.

Cùng với đó, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ (gồm 11 nhiệm vụ); phục vụ cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (gồm 19 nhiệm vụ); xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu và kết nối, chia sẻ, dùng chung (gồm 15 nhiệm vụ); hoàn thiện nguồn lực, hạ tầng công nghệ thông tin (gồm 8 nhiệm vụ); phát triển công dân số (gồm 4 nhiệm vụ); phát triển kinh tế - xã hội (gồm 6 nhiệm vụ). Đồng thời, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 (gồm 5 nhiệm vụ); phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (gồm 3 nhiệm vụ).

Nói về việc triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện trong năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh Nay Kiên chia sẻ: Huyện Chư Păh sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa các loại hồ sơ, dữ liệu đang quản lý gắn với các biện pháp kiểm tra, xác thực tính chính xác của hồ sơ và làm sạch dữ liệu chuyên ngành. Chủ động nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng; tiếp tục tăng cường ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử, tài khoản định danh. Đưa việc thực hiện chỉ tiêu Đề án là một trong các chỉ tiêu chuyên môn của các ban, ngành của huyện gắn với trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị...

“Để tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong năm 2024 với chủ đề “Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, số hóa, kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số”, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề án 06, tập trung vào các đơn vị, địa phương chậm chuyển biến trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Các sở, ngành có liên quan theo dõi tiến độ xử lý đối với 558 thủ tục hành chính chưa được thực thi theo 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ, của Tổ Công tác rà soát văn bản pháp luật của Chính phủ để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ triển khai Đề án 06”, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu.

Nguồn: baogialai.com.vn

ĐẮK NÔNG: BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÌ LỢI ÍCH NHÂN DÂN

Năm 2024 và những năm tiếp theo, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính vì lợi ích của Nhân dân.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk R'lấp là một trong những đơn vị đi đầu trong cải cách thủ tục hành chính tại địa phương. Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk R'lấp đã triển khai tiếp nhận và giải quyết toàn bộ hồ sơ theo danh mục thủ tục hành chính đã công bố tại trụ sở Bảo hiểm Xã hội huyện. Tổ một cửa Bảo hiểm Xã hội huyện được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng bao gồm máy tính bàn, máy in, máy scan,...

Hiện nay, Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk R'lấp đang tiếp tục thực hiện cài đặt ứng dụng VssID cho người lao động và người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng mới. 100% viên chức, người lao động thường xuyên sử dụng mail công vụ để trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các phần mềm nghiệp vụ trong xử lý công việc như TST, TNHS, TCKT, TCS,...

Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk R'lấp luôn hướng hành chính phục vụ, lấy người dân, đơn vị, doanh nghiệp làm trung tâm với phương châm hài lòng tất cả.

Không riêng Bảo hiểm Xã hội huyện Đắk R'lấp, hiện nay, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông đang tiến hành song song việc tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các đơn vị trực thuộc và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính các huyện, thành phố. Mặt khác, để thuận lợi cho người dân trong việc đến giao dịch các thủ tục liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông đã chỉ đạo Bảo hiểm Xã hội các huyện, các phòng nghiệp vụ có liên quan xin ý kiến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc chuyển bộ phận tiếp nhận bảo hiểm xã hội tại Tổ một cửa Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về tại trụ sở Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Bảo hiểm Xã hội các huyện.

Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ kê khai các thông tin trên hồ sơ cho người dân. Việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo thuận lợi, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm số người phải trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Thông qua tăng cường hỗ trợ, cài đặt, hướng dẫn cho đơn vị sử dụng lao động thực hiện giao dịch điện tử, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông tích cực, chủ động phối hợp cơ quan Công an tỉnh (Phòng PC 06) đồng bộ mã định danh cá nhân, căn cước công dân, cài đặt ứng dụng VssID,... cho người dân. Ngoài việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả vẫn duy trì mô hình "Ngày không viết" và "Ngày không hẹn" vào mỗi thứ 4 hàng tuần đối với các tổ chức, cá nhân đến yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

Đến thời điểm hiện tại, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông đang thực hiện tiếp nhận tổng số 14/25 thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện. Bên cạnh đó, Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông cũng đã rút ngắn thời gian giải quyết đối với 1 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế và 4 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ

Tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023, toàn tỉnh Đắk Nông đã tiếp nhận và giải quyết 109.792 hồ sơ, (tiếp nhận trong kỳ 108.444, kỳ trước chuyển qua là 1.348 hồ sơ). Đến nay, số hồ sơ đã giải quyết là 108.795 (đạt 99,9%), trong đó tổng số hồ sơ giải quyết đúng hẹn, trước hẹn: 106.967 hồ sơ (đạt 98,3%) và tổng số hồ sơ giải quyết không đúng hẹn: 1.828 hồ sơ (chiếm 1,7%). Số hồ sơ đang giải quyết là 997 bộ, trong đó tổng số hồ sơ trong hạn là 975 bộ (chiếm 98%), tổng số hồ sơ quá hạn là 22 bộ (chiếm 2%).

Với nỗ lực trong cải cách hành chính, qua khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông, tỷ lệ đạt ở mức cao (95,9%).

Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông Hồ Hữu Tuấn cho biết, đội ngũ viên chức, người lao động của Bảo hiểm Xã hội tỉnh tập trung triển khai các giải pháp giúp cải thiện, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công và trách nhiệm, thái độ phục vụ người dân và các tổ chức.

"Với phương châm "Lấy người dân, doanh nghiệp làm chủ thể, trung tâm phục vụ", tất cả các kết quả, nhiệm vụ của ngành Bảo hiểm Xã hội nhằm mang tới những lợi ích tối ưu, tốt hơn cho người tham gia, thụ hưởng các chính sách", ông Hồ Hữu Tuấn nhấn mạnh.

Cũng theo ông Tuấn, năm 2024 và những năm tiếp theo Bảo hiểm Xã hội tỉnh Đắk Nông tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng, thuận lợi. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng, minh bạch hóa các dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nguồn: baodaknong.vn

KHÁNH HÒA: TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH BÁM SÁT CHỦ ĐỀ NĂM 2024 LÀ NĂM 'QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH'

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024, với yêu cầu bám sát chủ đề năm 2024 của tỉnh là năm 'Quản trị và điều hành'.

Việc tuyên truyền tập trung vào 9 nội dung. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung phổ biến quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong tham gia, giám sát tiến trình cải cách hành chính, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, thực thi công vụ, nhiệm vụ. Đồng thời, tuyên truyền nội dung cải cách hành chính thực hiện các Nghị quyết, văn bản của Trung ương và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; tuyên truyền mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024; Bộ khung nhiệm vụ cải thiện và nâng cao chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Khánh Hòa. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 18/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; Chương trình hành động số 12823/CTr-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện Kết luận số 91-KL/TU; tình hình, kết quả nổi bật trên các lĩnh vực cải cách hành chính tỉnh; việc công khai thông tin các dự án đầu tư; các quy định, chính sách quản lý mới, các nỗ lực, giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp của tỉnh; tình hình, kết quả thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030

tại tỉnh; tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 15/CT-TU ngày 09/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đặc biệt, các đơn vị, địa phương tiếp tục tuyên truyền kết quả, lợi ích thực hiện dịch vụ công trực tuyến; việc công bố, giải quyết thủ tục hành chính; công khai địa chỉ tiếp nhận và kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; việc rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế; quá trình thành lập, giải thể, sáp nhập đơn vị hành chính. Đồng thời, tuyên truyền việc xây dựng, triển khai đề án tổng thể về xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025; đề án đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong; chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh; tình hình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số và công tác chuyên đổi số tỉnh; kết quả đánh giá, đo lường năng lực quản trị địa phương đối với tỉnh năm 2023; các mô hình, cơ chế đang triển khai thí điểm; các điển hình, sáng kiến đẩy mạnh cải cách hành chính...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

SÓC TRĂNG: CHẤM CHỈNH TÁC PHONG, LỀ LỐI LÀM VIỆC VÀ NÂNG CAO TINH THẦN TRÁCH NHIỆM, ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ TRONG THỰC THI NHIỆM VỤ

Để chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, nâng cao trách nhiệm trong xử lý công việc, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, ngày 17/01/2024, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sóc Trăng ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU về việc chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

Nội dung Chỉ thị nêu rõ yêu cầu đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị và từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Cụ thể như sau:

Đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt đầy đủ và tổ chức thực hiện nghiêm túc Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII về đẩy mạnh

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Văn hoá công vụ; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, trách nhiệm, đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và kỷ luật lao động trong quản lý, điều hành hoạt động, giải quyết công việc và quản lý cán bộ, công chức, nhân viên trong đơn vị. Tổ chức thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ; không để xảy ra tình trạng cán bộ né tránh, thiếu trách nhiệm, sợ sai trong thực thi công vụ, làm chậm trễ và trì trệ hoạt động công vụ, những nhiễu, tiêu cực, lãng phí nguồn lực nhà nước, xã hội, làm suy giảm niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước.

Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong cải cách hành chính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý cần được triển khai thống nhất, đồng bộ giữa các cơ quan đảng, cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu, khai thác tài liệu điện tử để tăng năng suất lao động, hiệu suất giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tránh lãng phí thời gian, chi phí, nguồn lực, mang đến sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng và số lượng cuộc đối thoại định kỳ, đột xuất giữa người đứng đầu chính quyền với người dân, doanh nghiệp để kịp thời giải quyết triệt để, dứt điểm các phản ánh, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng, hiên kể của người dân, doanh nghiệp, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét xử lý, tuyệt đối không đùn đẩy, lòng vòng, né tránh.

Đối với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị: Phát huy vai trò tiên phong, trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, cơ quan, đơn vị để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Không vi phạm những điều đảng viên không được làm theo Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tích cực đổi mới, năng động, chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, hiểu và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn trong thực thi nhiệm vụ, tận tụy với công việc; làm việc với thái độ khách quan, công tâm, giải quyết nhanh chóng, kịp thời đối với những lợi ích chính đáng của người dân và theo quy định pháp luật; thực hiện đúng quy định về đạo đức công vụ, nguyên tắc tập trung dân chủ; kiên quyết đấu tranh những biểu hiện vô cảm, quan liêu, cửa quyền, hách dịch và các hành vi những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức: Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả; giao tiếp, ứng xử chuẩn mực, vì nhân dân, doanh nghiệp phục vụ; ngăn chặn các biểu hiện những nhiễu trong thực thi công

vụ. Nâng cao ý thức, cầu thị trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành, đoàn kết trong công tác và các hoạt động xã hội.

Bên cạnh đó, Chỉ thị còn yêu cầu tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động công vụ, cải cách hành chính, nhất là kiểm tra đột xuất trong các cơ quan hành chính nhà nước. Bổ sung nội dung thanh tra hoạt động công vụ và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động công vụ vào Kế hoạch thanh tra hằng năm. Nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn Kiểm tra công vụ tỉnh; đổi mới phương pháp kiểm tra bằng nhiều hình thức, đa dạng hoá nhiều kênh thông tin tiếp nhận phản ánh của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc chấp hành giờ giấc làm việc, thái độ phục vụ, hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính,... Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm cần áp dụng biện pháp xử lý theo quy định. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự vào cuộc của người dân, các cơ quan truyền thông về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trên địa bàn tỉnh; kịp thời biểu dương các điển hình tiên tiến, mô hình hiệu quả và phản ánh các đơn vị, cá nhân vi phạm để kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh.

Theo yêu cầu của Chỉ thị, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Văn phòng Tỉnh uỷ theo dõi, đôn đốc các cơ quan đảng, đoàn thể triển khai thực hiện Chỉ thị, kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm những tổ chức, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên vi phạm, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đồng thời, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cán bộ lãnh đạo gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính, đạo đức công vụ.

Chỉ thị giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị; phân công các cơ quan chuyên môn định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Kim Hằng, Sở Nội vụ Sóc Trăng

SÓC TRĂNG: QUYẾT LIỆT ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số đang được các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng quyết liệt đẩy mạnh thực hiện với mục tiêu tạo ra giá trị mới phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Bước đầu, chuyển đổi số đóng góp tích cực vào công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Giải quyết hồ sơ công việc trên môi trường mạng

Ngày 27/10/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng khóa XIV đã ban hành Nghị quyết 07-NQ/TU về “Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Qua 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU, tỉnh Sóc Trăng đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phát triển.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thời gian qua đã, đang mang lại những kết quả tích cực. Trong đó, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu từng bước được đầu tư đồng bộ. Các hệ thống thông tin dùng chung như: quản lý văn bản điều hành, một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, camera giám sát, ứng dụng “Công dân Sóc Trăng”... đã đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả.

Tính đến giữa năm 2023, tỉnh Sóc Trăng có 87,74% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đối với cấp tỉnh, 85,79% đối với cấp huyện và 76,28% đối với cấp xã. Ngoài ra, hơn 30,7% chế độ báo cáo, tổng hợp báo cáo định kỳ, thông kê về kinh tế - xã hội... phục vụ chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Hiện nay, toàn tỉnh Sóc Trăng đã triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến, quản lý văn bản điện tử từ tỉnh đến cơ sở được kiểm tra thông qua môi trường số. Tỉnh Sóc Trăng đã cấp phát gần 5.000 chữ ký số để phục vụ ký trên văn bản điện tử các cơ quan nhà nước.

Chữ ký số cũng được đông đảo người dân, doanh nghiệp của tỉnh hưởng ứng sử dụng, với hơn 4.500 người dân và 4.159 doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký sử dụng. Tất cả doanh nghiệp khai, nộp thuế qua mạng đều dùng chữ ký số.

Chuyển đổi số là quá trình khách quan, muốn hay không thì chuyển đổi số vẫn diễn ra và đang diễn ra. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã thành lập 775 tổ công nghệ số cộng đồng ở các khóm, ấp, với hơn 5.000 thành viên có kỹ năng sử dụng nền tảng số, công nghệ số. Các tổ này đã làm cầu nối giữa chính quyền và người dân về chuyển đổi số, hướng dẫn người dân tiếp cận công nghệ. Cùng với đó, mạng viễn thông đã cơ bản cung cấp dịch vụ tới 100% xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh Sóc Trăng, cơ bản phủ sóng 3G, 4G, 5G cho các địa bàn dân cư. Đây là điều kiện thuận lợi góp phần đem lại nhiều tiện ích khi người dân sử dụng các dịch vụ số.

Sự vào cuộc của cả hệ thống

Ứng dụng “Công dân Sóc Trăng” đã được đưa vào vận hành từ ngày 10/10/2021, đến nay đã có hơn 40.000 lượt tải. Hiện nay, ứng dụng đã được nâng cấp lên phiên bản mới và đã được bổ sung các thông tin và cải thiện nhiều chức năng, trong đó có chức năng “Phản ánh hiện trường”.

Thông qua phản ánh hiện trường, người dân, doanh nghiệp đã phản ánh nhiều vấn đề tồn tại, bất cập liên quan đến mọi vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa, du lịch, đời sống... trên địa bàn tỉnh. Từ đó, giúp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng các cấp điều tra, xử lý, giải quyết các vụ việc theo đúng quy định pháp luật ngay tại cơ sở. Ứng dụng “Công dân Sóc Trăng” đã có hơn 40.000 lượt tải.

Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Sóc Trăng hiện có 90 doanh nghiệp tham gia, với 244 sản phẩm và hợp tác liên kết với 11 sàn thương mại điện tử của các tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh quảng bá các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của Sóc Trăng đến người tiêu dùng.

Việc thanh toán không dùng tiền mặt cũng được triển khai tại hầu hết các chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, việc chi trả tiền điện, nước đã được thực hiện thanh toán trực tuyến...

Việc chuyển đổi số trong vùng có đông đồng bào dân tộc của tỉnh Sóc Trăng cũng đang được đẩy mạnh, giúp người dân nhanh chóng tiếp cận các tiện ích trong cuộc sống. Năm 2022, tỉnh Sóc Trăng được đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) tăng 20 bậc so với năm 2021 (xếp hạng thứ 36/63). Kết quả này là sự quyết tâm của các địa phương, sở, ngành và sự tham gia nhiệt tình của tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sóc Trăng Lâm Văn Mẫn cho rằng: Chuyển đổi số là quá trình khách quan, muốn hay không thì chuyển đổi số vẫn diễn ra và đang diễn ra. Để chuyển đổi số đi vào cuộc sống, tạo ra giá trị mới phục vụ người dân và doanh nghiệp, tỉnh xác định: Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số, muốn chuyển đổi số trước tiên là phải chuyển đổi nhận thức; người dân và doanh nghiệp là trung tâm; thể chế và công nghệ là động lực.

"Bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt; phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp và sự tham gia của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số", ông Lâm Văn Mẫn cho biết.

Nguồn: sggp.org.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI THỰC THI QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

Chuyển đổi số đang tạo ra những tác động đa chiều lên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội hiện đại, trong đó có lĩnh vực hoạt động của khu vực công (căn bản là thực thi quyền lực nhà nước) trên cả hai phương diện thời cơ và thách thức. Bài viết tập trung phân tích, nhận diện những thách thức đối với thực thi quyền lực nhà nước từ công cuộc chuyển đổi số, từ đó đưa ra một số gợi mở đối với Việt Nam hiện nay.

Khái niệm về chuyển đổi số

Hiện nay, có rất nhiều quan điểm giải thích về chuyển đổi số. Do vậy, rất khó định nghĩa một cách rõ ràng về chuyển đổi số, bởi quá trình này có thể sẽ có sự khác biệt ở từng lĩnh vực.

Tuy nhiên, có thể giải thích một cách ngắn gọn và dễ hiểu nhất, chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số ngày càng được phát triển và phổ biến rộng rãi, nó được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực khác nhau. Tại Việt Nam, chuyển đổi số được áp dụng nhiều nhất trong doanh nghiệp và trong các cơ quan nhà nước.

Thực thi quyền lực nhà nước và những thách thức đặt ra từ quá trình chuyển đổi số

Quyền lực nhà nước được xem là khả năng của Nhà nước buộc các cá nhân, tổ chức khác trong xã hội phải phục tùng, dựa trên những ưu thế mà Nhà nước có được so với các cá nhân, tổ chức khác trong xã hội. Quyền lực nhà nước được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, pháp luật. Các cơ quan nhà nước “được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước”(1) và “chỉ có cơ quan nhà nước mới có quyền nhân danh cả nhà nước để thực thi quyền lực nhà nước”(2) hoặc “chỉ cơ quan nhà nước mới được giao quyền nhân danh nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước”(3).

Công cuộc chuyển đổi số hiện nay cũng đặt ra những thách thức chung trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước, đó là:

Thách thức đối với vấn đề giải quyết việc làm (quản lý thất nghiệp). Việc sử dụng công nghệ ngày càng tăng trong công cuộc chuyển đổi số đã khơi lại nỗi ám ảnh về nạn thất nghiệp. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới, những chuyển đổi hiện nay đang ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp toàn cầu, đặc biệt là liên quan đến công việc vì khoảng cách giữa các công việc thiết yếu, sáng tạo với công việc giản đơn, mang tính dây truyền; giữa lao động chất lượng cao với lao động mang tính kỹ năng ngày càng nói rộng. Các công việc giản đơn, mang tính dây truyền ngày càng bị thay thế bởi tự động hóa, rô bốt hóa. Điều này tất yếu dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp sẽ cao, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, nơi mà lao động thủ công, lao động giản đơn, lao động tay nghề thấp vẫn đang chiếm tỷ lệ chủ yếu (World economic forum, 2016).

Thực tế, chính phủ các nước đang phải đấu tranh quyết liệt để hạn chế tỷ lệ thất nghiệp cao, nhất là các nước đang phát triển, ví dụ Chính phủ Nam Phi phải gánh chịu một đòn nặng

nề khi đất nước đang vật lộn với tỷ lệ thất nghiệp cao 26% theo dữ liệu tài khoản quốc gia (Thống kê Nam Phi, 2018). Các hệ thống đổi mới và cộng đồng tri thức hiện thời đã cung cấp đầy rẫy các hướng dẫn trí tuệ cần thiết cho phát triển và ứng dụng các sáng kiến thông minh, kỹ thuật số (Abdoullaev, Azamat. 2016). Tư duy - hành động điện tử (kỹ năng điện tử và kiến thức điện tử) được xác định là cơ bản trong sự thành công của cái gọi là xã hội thông minh - Smart Society (Manda, Ickson và Backhouse, Judy. 2016: 228 - 240). Sự sẵn sàng về các yêu cầu ấy (tri thức và kỹ năng điện tử) quyết định việc công dân có khả năng tham gia đầy đủ vào các hoạt động kinh tế - xã hội trong xã hội thông minh hay không (Manda, Ickson và Backhouse, Judy. 2016: 228 - 240). Mức độ sẵn sàng đáp ứng rất thấp của công dân ở các nước đang phát triển đang là một trở ngại lớn trong việc chuyển đổi sang xã hội thông minh, tất yếu dẫn đến thất nghiệp, tạo ra vấn đề nan giải đối với các chính phủ hiện nay trong thực thi quyền lực quản trị xã hội.

Thách thức đối với việc quản lý khu vực doanh nghiệp. Cùng với sự phát triển của khoa học nghệ, các doanh nghiệp cũng nhanh chóng thích ứng, tận dụng cơ hội và nền tảng công nghệ mới, nhiều mô hình, dạng doanh nghiệp mới với các phương thức kinh doanh mới (ứng dụng công nghệ mới, sử dụng phần mềm, thương mại điện tử, v.v...) được hình thành. Các mô hình kinh doanh mới này đang khiến nhiều chính phủ phải vật lộn để tìm giải pháp thích ứng. Khi các loại hình này phát triển hơn nữa, chính phủ cần phải chuẩn bị tốt hơn để có thể tái cấu trúc thể chế quản lý, tránh tình trạng lũng đoạn, chuyển giá, trốn thuế,... hoàn toàn có thể xảy ra và gây thất thoát cho nhà nước - một trong những nguyên nhân của cái gọi là nhà nước thất bại. Các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã ứng dụng linh hoạt thành tựu mới của khoa học công nghệ để tiến hành "chuyển giá" rất tinh vi trong các lĩnh vực từ sản xuất, thương mại, cho đến dịch vụ, du lịch; trong các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh - đặt ra áp lực mạnh mẽ lên các cơ quan thuế và cơ quan quản lý khác của nhà nước. Ở một phương diện khác, các doanh nghiệp là các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia, với lợi thế về tiềm lực tài chính - nhân lực-R&D (nghiên cứu và phát triển)... đã nhanh chóng ứng dụng, thậm chí lợi dụng chuyển đổi số, tạo ra những bứt phá thần kỳ; bên cạnh đó, cũng tạo ra rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý của các nước sở tại liên quan đến dịch chuyển dòng vốn và chuyển giá. Các nước đang phát triển có nhu cầu rất lớn về vốn và thường kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các tập đoàn này, những thành tựu mà khu vực này đóng góp là không thể phủ nhận, ví như góp phần chuyển giao các công nghệ hiện đại, truyền bá kinh nghiệm quản lý hiện đại và góp phần rèn luyện nên đội ngũ công nhân lao động lành nghề, v.v... cho các nước đang phát triển, tuy nhiên, những thách thức đối với chính phủ các nước cũng rất lớn liên quan đến năng lực, trình độ quản lý.

Thách thức đối với việc nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin. Thường thì do cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin kém, do đó, hầu hết chính phủ ở các nước đang phát triển gặp khó khăn trong nỗ lực thực hiện chuyển đổi số. Ví dụ, sự thâm nhập băng thông rộng ở các nước đang phát triển vẫn còn thấp so với các nước, các nền kinh tế phát triển - nơi được coi là dẫn đầu về băng thông rộng và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin khác. Thâm nhập băng thông rộng là một trong những điều kiện để chuyển đổi sang xã hội thông minh - xã hội được dẫn dắt bởi

kết nối kỹ thuật số, công nghệ tiên tiến, kỹ năng, tri thức và sáng tạo. Hạ tầng công nghệ thông tin liên quan đến các nội dung chính như chính phủ điện tử, quản lý xã hội thông minh, quản lý nền kinh tế kỹ thuật số - thương mại điện tử... đang là những thách thức vô cùng lớn đối với các chính phủ trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay.

Thách thức đối với năng lực thích ứng và tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước. Tính thứ bậc và mệnh lệnh hành chính là một chuẩn mực mang tính đặc trưng riêng có của bộ máy quản lý hành chính nhà nước. Tính thứ bậc không chỉ thể hiện mối quan hệ giữa trung ương - địa phương, cấp trên - cấp dưới, mà còn thể hiện ở cả sự phân định rành mạch, rõ ràng về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công. Tính thứ bậc là chuẩn mực quan trọng để đảm bảo cho bộ máy ấy vận hành một cách thống nhất, thông suốt, hiệu lực và hiệu quả, tuy nhiên, đó cũng chính là một trong những rào cản đối với những yêu cầu, đặc trưng mới của công cuộc chuyển đổi số này - đó là tính đột phá, tốc độ, sáng tạo, điện tử, v.v... Với thực tế ấy, năng lực ứng dụng công nghệ mới và lễ lối, tác phong làm việc hiện đại, năng động của đội ngũ lãnh đạo đang được đặt ra như một trở ngại hiện hữu đối với các chính phủ năng động, hiệu quả ngày nay.

Thách thức trong việc bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội. Vấn đề đảm bảo an ninh đang đặt ra thách thức vô cùng lớn đối với chính phủ các nước trong thời đại chuyển đổi số. Trước những biến đổi của công nghệ, các vấn đề về an ninh tư tưởng, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị như "không gian mạng", "chiến tranh mạng", "chủ quyền không gian mạng", "tội phạm công nghệ cao", "truyền bá tư tưởng"...; cho đến an ninh, trật tự xã hội được đặt ra một cách cấp thiết. Những áp lực mới đối với chính phủ liên quan đến giải quyết các vấn đề xã hội mới nảy sinh; tương tác xã hội yếu (quá lệ thuộc vào máy móc, công nghệ) dẫn đến gia tăng bệnh trầm cảm, bất bình đẳng, tội phạm xã hội mới... rất khó kiểm soát. Đây là những vấn đề nan giải, mặt trái của sự phát triển công nghệ số đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước.

Thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay cũng không nằm ngoài những thách thức chung từ quá trình chuyển đổi số. Tuy nhiên, với những đặc trưng đặc thù nhất định về lịch sử, văn hóa, hệ tư tưởng cũng như cách thức tổ chức, thực thi quyền lực nhà nước riêng biệt nhất định, quản lý nhà nước ở Việt Nam cũng gặp một số thách thức như sau:

Thách thức đối với việc đổi mới tư duy và hành động ứng phó trong quản lý nhà nước. Đây là thách thức mang tính trực diện và tiên quyết trong đổi mới, cải cách tổ chức thực thi quyền lực nhà nước thích ứng với biến đổi của thời đại. Trong bất kỳ sự đổi mới nào, đổi mới về tư duy là quan trọng và sẽ khởi đầu cho các đổi mới liên đới như đổi mới thể chế hay tổ chức bộ máy. Trong bối cảnh hiện nay, đối tượng của thực thi quyền lực nhà nước là doanh nghiệp, người dân và xã hội đã thay đổi nhanh chóng bởi sự ứng dụng chuyển đổi số, từ đó đặt ra những yêu cầu mới về tư duy và cách ứng phó đối với chủ thể quản lý. Cách tư duy cũ "cái gì phức tạp, cái gì không quản lý được thì cấm" không còn phù hợp, tuy nhiên, cũng không có mô hình ứng xử chung nào trên thế giới có thể áp dụng rộng khắp, mỗi quốc gia có quan điểm và cách thức ứng xử riêng (có nước thì cấm, có nước cho phép, nhưng có nước lại khuyến khích).

Trong quản lý xã hội, những cụm từ "xã hội mở", "xã hội thông minh", "công dân toàn cầu"... đã không còn xa lạ, vấn đề là quản lý hành chính/cung cấp dịch vụ công/huy động nguồn lực đối với những đối tượng như thế đòi hỏi phải thay đổi mạnh mẽ, bắt đầu từ tư duy của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước. Những quan điểm "mệnh lệnh hành chính bắt buộc", quan điểm "xin cho, nguyên tắc" hay "xử phạt, cấm đoán" cần chuyển mạnh sang cách tư duy và hành động mang tính linh hoạt và mềm dẻo hơn như "đối thoại, đàm phán, hợp tác, kết nối". Tuy nhiên, những bước chuyển như thế lại không dễ dàng trong thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Thách thức đối với việc xây dựng một nền quản trị nhà nước hiện đại. Trong công cuộc đổi mới, mục tiêu cải cách nền quản trị công ở Việt Nam được thể hiện qua rất nhiều Văn kiện, Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng cho đến các Chương trình, Đề án của Chính phủ, mục tiêu có thể rất nhiều nhưng mục tiêu bao quát nhất là hướng đến một nền quản trị hiện đại. Tiêu chí để đánh giá một nền quản trị nhà nước hiện đại có thể được thiết lập từ rất nhiều căn cứ khác nhau, căn bản có thể dựa trên ba phương diện để đánh giá: thứ nhất, có bộ máy hành chính hiện đại (trọng tâm là cơ quan hành chính ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin; cơ sở hạ tầng thông tin - tức chính phủ điện tử, chính quyền điện tử); thứ hai, có con người hiện đại (năng lực ứng dụng, thích ứng với khoa học, công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước); thứ ba, có cơ chế, thể chế hiện đại (hệ thống quy định, nền tảng pháp lý, các nguyên tắc vận hành, v.v...). Cả ba phương diện trên đều đang đặt ra những thách thức lớn trong tiến trình cải cách quản trị nhà nước thích ứng với công cuộc chuyển đổi số mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay.

Công cuộc chuyển đổi số đã đặt ra những thách thức rất lớn đối với thực thi quyền lực nhà nước nói chung, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh những thách thức mang tính phổ quát (quản lý thất nghiệp; quản lý doanh nghiệp; hạ tầng thông tin) thì nổi lên những thách thức về đổi mới tư duy quản lý và xây dựng nền quản trị công hiện đại đối với Việt Nam hiện nay. Những thách thức ấy đòi hỏi phải có một sự chuẩn bị kỹ lưỡng cả về tâm thế và năng lực của Nhà nước để thích ứng và đổi mới. Để có được một hệ thống các giải pháp xác đáng và hiệu quả, cần thiết phải có những nghiên cứu và quyết sách dựa trên các khảo sát về nhu cầu, thực trạng, đánh giá được những hạn chế yếu kém và nguyên nhân... một cách bài bản và quy mô.

TS. Lê Quang Hòa, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS. Lê Thạch Diên, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, thành phố Hà Nội

Nguồn: tenn.vn

Ghi chú:

(1) Trường Đại học Luật Hà Nội (2018): Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Nxb Tư pháp, tr.97.

(2) Đại học Quốc gia Hà Nội (2005): Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.113.

(3) Đại học Quốc gia Hà Nội (1998): Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.56.

QUẢN LÝ NGÂN HÀNG THUẦN SỐ - GÓC NHÌN TỪ BÊN NGOÀI

Ngân hàng thuần số nổi lên như một xu thế toàn cầu và đặt ra nhiều thử thách đối với khung pháp lý và hoạt động quản lý nhà nước của nhiều quốc gia. Thực tiễn quản lý hoạt động này tại Trung Quốc đại lục, Đài Loan và Hồng Kông có thể cung cấp thêm góc nhìn có giá trị cho Việt Nam trong quá trình xây dựng khung pháp lý trong tương lai.

Mạnh dạn thử nghiệm

Chiến lược tài chính toàn diện và sự phát triển không ngừng của công nghệ tài chính những năm vừa qua không chỉ làm thay đổi mô hình kinh doanh của các ngân hàng truyền thống mà còn tạo ra các xu thế phát triển mới đối với ngành ngân hàng. Trong đó, có thể kể đến ngân hàng thuần số (Internet-only Bank hay Digital-only Bank) - mô hình các ngân hàng thế hệ mới không có chi nhánh thực tế và tất cả dịch vụ tài chính đều được thực hiện trực tuyến hoặc thông qua các kênh di động.

Kể từ năm 2014, Trung Quốc đã cấp phép thí điểm cho bốn ngân hàng thuần số, bao gồm: (i) WeBank của Tencent; (ii) MYbank của Alibaba; (iii) AiBank của Baidu; và (iv) Citic. Trong đó, WeBank là ngân hàng thuần số đầu tiên khai trương hoạt động thử nghiệm từ ngày 18/01/2015. Với vốn đăng ký là 3 tỷ nhân dân tệ, phạm vi kinh doanh chủ yếu cung cấp các sản phẩm tiền gửi dưới 200.000 nhân dân tệ và các sản phẩm cho vay dưới 5 tỷ nhân dân tệ.

Được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Tencent - Tập đoàn công nghệ khổng lồ sở hữu QQ và Wechat, WeBank đã kết hợp giữa tài chính và công nghệ để tạo nên một bước tiến lớn trong các hoạt động thu hút khách hàng, cung cấp dịch vụ tài chính và quản lý rủi ro hoàn toàn thông qua các kênh trực tuyến. Thông qua dữ liệu lớn được khai thác từ khối lượng tài nguyên thông tin khổng lồ trên các nền tảng khác nhau của Tencent, WeBank có thể sử dụng các thông tin về thời gian hoạt động, hành vi đăng nhập, quản lý tài sản ảo, tần suất thanh toán, thói quen mua sắm và cả hành vi trên mạng xã hội... để phát triển một hệ thống đánh giá tín dụng cá nhân hết sức hiệu quả và tinh vi. Sự hợp nhất giữa dữ liệu và công nghệ tài chính này không chỉ mở ra một kỷ nguyên mới cho ngành ngân hàng, mà còn đặt ra những câu hỏi về quyền riêng tư và bảo mật thông tin cá nhân.

Mặc dù vậy, tại thời điểm các ngân hàng thuần số nói trên được cấp phép hoạt động, tại Trung Quốc vẫn chưa hình thành khái niệm pháp lý chính thức về mô hình này trong Luật Ngân hàng thương mại năm 1995, sửa đổi năm 2003 và 2015. Thay vào đó, Trung Quốc ban hành các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) mang tính khuyến khích với phương châm “cấp phép trước, điều chỉnh sau”.

Tại Đài Loan, Đạo luật Thử nghiệm đổi mới và phát triển công nghệ tài chính đã sớm được thông qua từ tháng 12/2017. Theo đó, mô hình ngân hàng thuần số cũng sớm nhận được quan tâm của các cấp. Đến tháng 4/2018, Ủy ban Giám sát tài chính Trung Hoa Dân Quốc (FSC) đã công bố chính sách cho phép thành lập ngân hàng thuần số với mục đích hỗ trợ hệ

thông ngân hàng bắt kịp xu hướng số hóa cũng như khuyến khích đổi mới tài chính và tăng cường tài chính toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trẻ tuổi.

Sau đó một năm, Ủy ban này đã cấp phép cho ba ngân hàng thuần số, bao gồm: (i) LINE Financial Taiwan, được điều hành bởi tập đoàn Nhật Bản LINE Group; (ii) Next Commercial Bank, được điều hành bởi nhà mạng Đài Loan Chunghwa; và (iii) Rakuten International Commercial Bank, do Công ty thương mại điện tử Rakuten Inc của Nhật Bản và IBF Financial Holdings của Đài Loan vận hành. Trong các ông lớn này, LINE Group cũng là tập đoàn công nghệ đứng sau ứng dụng trò chuyện và mạng xã hội được sử dụng rộng rãi nhất ở Đài Loan, tương tự như Wechat tại Trung Quốc.

Tại Hồng Kông, việc thành lập và hoạt động của các ngân hàng thuần số nằm dưới sự quản lý của Cơ quan tiền tệ Hồng Kông (HKMA). Cùng thời điểm với Đài Loan, giấy phép ngân hàng thuần số đầu tiên ở Hồng Kông cũng được ban hành vào năm 2018. Đến thời điểm hiện tại, đã có tám ngân hàng thuần số được cấp phép dựa trên khung pháp lý được xây dựng bởi Hướng dẫn sửa đổi về cấp phép các ngân hàng số được quy định tại phần 16 (10) của Sắc lệnh Ngân hàng được ban hành bởi HKMA vào tháng 5/2018.

Từng bước định hình khung pháp lý về cấp phép và quản lý

Khác với các hoạt động chuyển đổi số dịch vụ ngân hàng sẵn có tại các ngân hàng truyền thống đã được cấp phép, ngân hàng thuần số là mô hình ngân hàng được hoạt động như một pháp nhân độc lập dựa trên nền tảng công nghệ số. Do đó, vấn đề cấp phép và quản lý được xem là một thách thức. Hiện tại, Đài Loan và Hồng Kông về cơ bản đã định hình được khung pháp lý điều chỉnh các vấn đề này.

Về cấp phép thành lập, cơ quan quản lý sẽ tập trung vào việc thẩm định hàng loạt các điều kiện khác nhau về vốn, phạm vi hoạt động, cấu trúc sở hữu, hệ thống tiêu chuẩn giám sát...

Thứ nhất, chủ thể thành lập phải đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định. Với Đài Loan, mức vốn pháp định là 10 tỷ đài tệ, tương đương với vốn pháp định để thành lập một ngân hàng thương mại thông thường. Tại Hồng Kông, con số này là 300 triệu đô la Hồng Kông.

Thứ hai, về cấu trúc sở hữu: Đài Loan yêu cầu có ít nhất một cổ đông sáng lập là ngân hàng hoặc công ty tài chính và tỷ lệ sở hữu tối thiểu mà cổ đông này nắm giữ phải đạt 40%. Trong khi đó, Hồng Kông yêu cầu phải có ít nhất 50% vốn sở hữu của một ngân hàng có uy tín hoặc tổ chức tài chính khác có uy tín tốt trong cộng đồng và có kinh nghiệm phù hợp. Trong trường hợp một ngân hàng tham gia liên doanh 50 - 50 với một tổ chức phi ngân hàng, ngân hàng phải có quyền bổ nhiệm chủ tịch ngân hàng thuần số và chủ tịch phải được nắm giữ lá phiếu quyết định (casting vote). Ngoài ra, ngân hàng mẹ (hoặc tổ chức tài chính) phải cam kết cung cấp thêm vốn và/hoặc hỗ trợ thanh khoản khi có nhu cầu. Đồng thời, ngân hàng mẹ (hoặc tổ chức tài chính) cũng được kỳ vọng sẽ đóng vai trò tích cực trong việc giám sát hoạt động kinh doanh và công việc của ngân hàng thuần số thông qua việc tham gia vào hội đồng quản trị.

Thứ ba, Đài Loan yêu cầu cổ đông lớn của ngân hàng thuần số phải có khả năng đảm bảo tính liêm chính và tuân thủ cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn của

người phụ trách ngân hàng, có hiệu quả tài chính và kinh doanh tích cực. Bên cạnh đó, cổ đông này cần có năng lực xây dựng cụ thể chiến lược kinh doanh, các hình thức hợp tác với các tổ chức tài chính khác, kế hoạch kinh doanh, cơ cấu đầu tư... cho ngân hàng thuần số. Trong trường hợp cổ đông lớn đến từ ngành nghề phi tài chính (ví dụ ngành công nghệ tài chính, thương mại điện tử hoặc chuyên môn khác) thì phải chứng minh được mô hình kinh doanh thành công. Ngược lại, ở Hồng Kông, các yêu cầu đối với cổ đông lớn không được đặt ra.

Thứ tư, yêu cầu về hệ thống tiêu chuẩn và giám sát: Ở Đài Loan, ngân hàng thuần số được giám sát theo tiêu chuẩn tương tự áp dụng cho các ngân hàng thông thường, tức là bao gồm cả khung tuân thủ, bảo vệ dữ liệu khách hàng, kiểm toán nội bộ, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, bảo mật thông tin, quản trị doanh nghiệp... Giống như vậy, Hồng Kông quy định các ngân hàng thuần số cần đáp ứng các tiêu chí thành lập tối thiểu, tuân thủ các yêu cầu giám sát tương tự như đối với ngân hàng thương mại truyền thống được quy định trong sắc lệnh của HKMA. Ngoài ra, chủ thể xin cấp phép thành lập ngân hàng thuần số cũng phải có một kế hoạch kinh doanh chi tiết nêu rõ dự định tiến hành hoạt động kinh doanh và các đề xuất để tuân thủ các tiêu chí một cách liên tục. Để tạo điều kiện thuận lợi cho HKMA kiểm tra và thanh tra, ngân hàng thuần số cũng phải lưu giữ đầy đủ sổ sách, tài khoản và hồ sơ giao dịch tại Hồng Kông.

Thứ năm, quy định về hiện diện thực tế: Ngoài trụ sở chính và trung tâm dịch vụ khách hàng để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của khách hàng, ngân hàng thuần số tại Đài Loan không được thành lập chi nhánh thực tế. Tại Hồng Kông, ngân hàng thuần số được yêu cầu duy trì sự hiện diện thực tế thông qua một trụ sở tại Hồng Kông. Trong trường hợp muốn thành lập chi nhánh, duy trì hoạt động các văn phòng ở địa phương, ngân hàng thuần số phải được sự chấp thuận của HKMA và đáp ứng các điều kiện được pháp luật quy định.

Về quản lý, FSC của Đài Loan tuyên bố sẽ tăng cường giám sát các khía cạnh khác nhau trong hoạt động của ngân hàng thuần số bao gồm: quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng, khuôn khổ quản trị doanh nghiệp, hành vi cạnh tranh thị trường và bảo vệ người tiêu dùng. Tương tự, HKMA cũng nhấn mạnh nghĩa vụ đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, quản trị rủi ro, xây dựng kế hoạch kinh doanh, làm rõ điều khoản điều kiện với khách hàng của các ngân hàng thuần số.

Nguồn: thesaigontimes.vn

HÀ NỘI: HIỆU QUẢ THIỆT THỰC TỪ 'MỘT CỬA' HIỆN ĐẠI

Năm 2023, TP. Hà Nội đã đẩy mạnh thiết lập Bộ phận 'một cửa' hiện đại, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, qua đó, toàn thành phố đã giải quyết hồ sơ trước hạn, đúng hạn đạt 99,74%. Kết quả đó là động lực và nền tảng vững chắc để thành phố khắc phục tồn tại, triển khai những mục tiêu mới trong năm 2024.

Thống nhất bộ nhận diện thương hiệu “một cửa”

Nhìn lại một năm triển khai Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 3/01/2023) của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về “Triển khai thực hiện Đề án mô hình Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hiện đại các cấp trên địa bàn TP. Hà Nội” (Bộ phận “một cửa” hiện đại), Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Cù Ngọc Trang cho biết, đến nay, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã triển khai đồng loạt Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận “một cửa” của các đơn vị, thống nhất trên toàn địa bàn thành phố. Các trang thiết bị tại Bộ phận “một cửa” cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ người dân khi đến liên hệ thực hiện các thủ tục hành chính.

Một trong những điểm nổi bật của Đề án mô hình Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hiện đại các cấp trên địa bàn TP. Hà Nội là tạo lập bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận “một cửa” hiện đại đồng bộ với những giá trị đem lại là: Khoa học, hiệu quả, hiện đại, sẵn sàng, thân thiện.

Hiệu quả rõ nét là hiện các đơn vị đã đồng loạt sử dụng biển hiệu “Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả” có in slogan “Hành chính phục vụ” và logo hình ảnh 5 bàn tay nắm vào nhau biểu tượng đại đoàn kết. Cùng với đó, Bộ phận “một cửa” được ưu tiên đặt ở vị trí thuận tiện, dễ nhìn thấy, dễ tiếp cận. Đặc biệt, việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân, tổ chức được thực hiện theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Nhìn chung, tại 627 Bộ phận “một cửa” trên toàn TP. Hà Nội đã cơ bản đáp ứng về cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (máy tính, máy in, máy scan). 100% Bộ phận “một cửa” tại các đơn vị đều bố trí đủ bàn viết cho công dân đến giao dịch...

Theo công chức văn phòng - thống kê Ủy ban nhân dân phường Phú Lãm (quận Hà Đông) Hoàng Ngọc Quỳnh, sau khi được cấp trên hướng dẫn, lãnh đạo phường Phú Lãm đã chỉ đạo làm lại biển chỉ dẫn ở ngoài cửa bộ phận “một cửa” và cả biển tên công chức làm việc ở Bộ phận “một cửa” kèm số điện thoại theo đúng quy định.

Triển khai “một cửa” hiện đại, Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín đã trang bị cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện máy lấy số thứ tự; tạo mã QR khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính. Trong khi đó, Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cũng đã cải tạo, nâng cấp Bộ phận “một cửa” trước đây thành Bộ phận “một cửa” hiện đại có tổng diện tích 227m², với tổng mức đầu tư 2,06 tỷ đồng.

Nâng hiệu quả Bộ phận “một cửa”

Để bảo đảm hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính khi triển khai Bộ phận “một cửa” hiện đại, công tác bố trí nhân sự được các đơn vị đặc biệt quan tâm. Trong năm 2023, Sở Nội vụ cũng đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính cho các công chức, viên chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính, làm việc tại Bộ phận “một cửa” của các sở, ngành, quận, huyện, thị xã.

Chia sẻ về việc bố trí công chức giải quyết thủ tục hành chính, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Quang Tuấn cho biết, việc bố trí công chức có trình độ chuyên môn,

ng nghiệp vụ, kinh nghiệm, kỹ năng giao tiếp ứng xử tốt, có tinh thần trách nhiệm cao đã góp phần duy trì tốt hoạt động thường xuyên của bộ phận “một cửa” của Sở. Nhờ đó, năm 2023, 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả đúng hạn và trước hạn.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai Bộ phận “một cửa” hiện đại vẫn còn một số khó khăn đang được các cấp, các ngành tìm giải pháp tháo gỡ. Điển hình như Bộ phận “một cửa” hiện đại được khuyến khích có diện tích tối thiểu từ 40m² trở lên. Tuy nhiên, tính đến cuối năm 2022, theo khảo sát của thành phố, mới có 557/627 (đạt 88,8%) đơn vị bảo đảm được diện tích theo khuyến khích. Một số đơn vị có diện tích Bộ phận “một cửa” dưới 20m², thậm chí chỉ có 10m² (Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân, Ủy ban nhân dân phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm).

Trước thực tế đó, nhiều đơn vị đã chủ động rà soát, bố trí địa điểm có diện tích phù hợp. Đặc biệt, trung tuần tháng 10/2023, quận Hoàn Kiếm đã triển khai áp dụng sáng kiến thí điểm mô hình Trung tâm hành chính công “phi địa giới” cấp phường. Theo đó, các thủ tục “Xác nhận tình trạng hôn nhân”, “Trích lục hộ tịch” của 3 phường: Trần Hưng Đạo, Hàng Trống, Cửa Nam được giải quyết trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trung tâm hành chính công phường Trần Hưng Đạo.

Theo Giám đốc Sở Nội vụ Trần Đình Cảnh, mô hình Trung tâm hành chính công “phi địa giới” cấp phường rất phù hợp với các phường có diện tích nhỏ. Trên cơ sở thí điểm của Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, các đơn vị có diện tích Bộ phận “một cửa” dưới 40m² có thể nghiên cứu, đề xuất phương án thực hiện trên địa bàn.

Từ thực tế triển khai, nhiều đơn vị phản ánh, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của thành phố mới đưa vào vận hành, chưa ổn định nên còn ảnh hưởng đến quá trình giải quyết, xử lý hồ sơ; phần mềm có nhiều tính năng nhưng sắp xếp các bước còn chưa hợp lý...

Ở góc độ người dân, bà Nguyễn Thị Hải (xã Nhị Khê, huyện Thường Tín) cho rằng, việc đầu tư máy lấy số thứ tự xếp hàng là cần thiết đối với Bộ phận “một cửa” có nhiều công dân đến giao dịch, tuy nhiên tại bộ phận “một cửa” Ủy ban nhân dân một số xã, nhiều lúc chỉ có một người vào cũng phải lấy số xếp hàng thì thực sự là không cần thiết.

Với những vấn đề đang đặt ra, các cơ quan, đơn vị cần sớm có giải pháp điều chỉnh, khắc phục để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ tổ chức, công dân.

Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nguyễn Tây Nam: Ứng dụng công nghệ trong thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ triển khai 1/25 thủ tục hành chính thiết yếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đó là thủ tục hành chính giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp. Xác định đây là nhiệm vụ mới, rất cần thiết cho người dân, Sở đã chỉ đạo bảo đảm các thủ tục được rút gọn, thời gian tiếp nhận, trả kết quả được rút ngắn từ 2 đến 3 ngày so với quy định; kết quả trả theo hình thức trực tuyến.

Một trong các giải pháp điển hình mà Sở đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện như tạo QRcode để người lao động quét mã qua ứng dụng Zalo khi nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp trực

tuyên trên Cổng dịch vụ công quốc gia; xây dựng video clip hướng dẫn quy trình giải quyết; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên các hệ thống bảng điện tử hiển thị tại thang máy của các tòa nhà chung cư, văn phòng về những lợi ích khi công dân thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia để người dân hiểu và ủng hộ.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ba Đình Cồ Như Dũng: Hiện đại hóa bộ phận giải quyết thủ tục hành chính

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân quận Ba Đình thời gian qua đã quan tâm triển khai nhiều mô hình, sáng kiến trong cải cách thủ tục hành chính. Trong đó có nhiều mô hình, giải pháp hiện đại, được đánh giá cao như: Giải pháp đặt hện trực tuyến trong tiếp nhận hồ sơ hành chính, mô hình “Bộ phận làm ngay” trong giải quyết thủ tục hành chính hay như sáng kiến tạo mã QR tra cứu và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đối với 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của quận và phường...

Để tiếp tục nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tôi cho rằng cần tiếp tục triển khai Đề án “Mô hình Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hiện đại các cấp”, tăng cường trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc đáp ứng yêu cầu cung cấp và giải quyết dịch vụ công trực tuyến; cải tạo không gian bộ phận “Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính” theo hướng thân thiện, dễ gần, tạo thiện cảm cho người dân, doanh nghiệp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành (quận Hai Bà Trưng) Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Tăng cường kiểm tra, giám sát

Từ thực hiện mô hình “đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức qua việc sử dụng QRcode”, Ủy ban nhân dân phường Lê Đại Hành đã giảm chi phí, sử dụng giấy tờ và tiết kiệm được thời gian của tổ chức, người dân và bản thân công chức khi thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, việc thực hiện đánh giá qua việc quét QRcode để tạo điều kiện người dân và tổ chức được thuận tiện, nhanh và không mất nhiều thời gian, thực hiện đánh giá đúng với thực chất sự phục vụ của công chức.

Để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của người dân và tổ chức về cải cách hành chính và chất lượng dịch vụ công của phường, bên cạnh ứng dụng công nghệ, cần tăng cường kiểm tra, đánh giá, giám sát các hoạt động liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”; đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Nguồn: hanoimoi.vn

SÓC TRĂNG: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỒNG BỘ, MẠNH MẼ

Thời gian qua, huyện Long Phú (Sóc Trăng) đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp trong công tác cải cách hành chính, đặc biệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Quyết liệt trong chỉ đạo cải cách hành chính

Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (Bộ phận một cửa) xã Tân Hưng vào những ngày giáp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, người dân vẫn đến khá đông để giải quyết thủ tục hành chính. Cán bộ, công chức nơi đây hướng dẫn, hỗ trợ nhiệt tình và lúc nào cũng nở nụ cười trên môi.

Chị Phạm Thị Huỳnh Mai, ngụ ấp Sóc Dong, xã Tân Hưng chia sẻ: “Mỗi lần đến Bộ phận một cửa xã để giải quyết thủ tục hành chính, cán bộ trực tại đây hướng dẫn, hỗ trợ người dân chúng tôi rất nhiệt tình. Ngoài ra, tôi còn được cán bộ, công chức hướng dẫn thêm cách đăng ký tài khoản trên điện thoại, cách nộp hồ sơ, tra cứu, theo dõi tình trạng hồ sơ trên cổng dịch vụ công quốc gia, giúp chúng tôi thuận tiện trong giao dịch, tiết kiệm tối đa thời gian đi lại”.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú đã tập trung chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ thực hiện cải cách hành chính, kết quả đã ban hành 32 văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân huyện cũng đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên rà soát, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy trình, trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nhiều dấu ấn nổi bật

Năm 2023, việc công khai thủ tục hành chính cũng được huyện Long Phú quan tâm thực hiện tốt. Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý 431 thủ tục hành chính, trong đó số thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện 271 thủ tục hành chính; số thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã 160 thủ tục hành chính. Đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, công khai 100% thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa huyện, xã; tại 12/12 cơ quan tham gia giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời thực hiện công khai thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử huyện. Ngoài ra, Bộ phận một cửa huyện còn thực hiện nghiêm túc, công khai 1 thủ tục hành chính lĩnh vực chính sách; 22 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo hiểm xã hội; 3 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành Công an.

Huyện Long Phú đã tiếp nhận 11.437 hồ sơ, trong đó số hồ sơ tiếp nhận mới trong năm 10.709 hồ sơ (trực tuyến 10.684 hồ sơ, trực tiếp 25 hồ sơ), số hồ sơ kỳ trước chuyển qua 728 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đã giải quyết 11.012 hồ sơ (10.920 hồ sơ trước hạn, 91 hồ sơ đúng hạn và 1 hồ sơ quá hạn đã có thư xin lỗi; số hồ sơ đang giải quyết trong hạn 425 hồ sơ. Tuy nhiên, trên hệ thống có 7 hồ sơ xử lý trễ hạn (1 hồ sơ lĩnh vực đất đai và 6 hồ sơ lĩnh vực đăng ký

biện pháp bảo đảm). Nguyên nhân do công chức chuyên môn chậm xử lý trên hệ thống nhưng thực tế hồ sơ giải quyết đúng hạn.

Đối với cấp xã, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 25.295 hồ sơ, trong đó số hồ sơ tiếp nhận mới trong kỳ 25.291 hồ sơ (trực tuyến 6.618 hồ sơ, trực tiếp 18.673 hồ sơ), số hồ sơ kỳ trước chuyển qua 4 hồ sơ, số lượng hồ sơ đã giải quyết 25.279 hồ sơ (25.259 hồ sơ trước hạn, 20 hồ sơ đúng hạn); số hồ sơ đang giải quyết trong hạn 16 hồ sơ.

Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai phát động phong trào thi đua thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 28/02/2023, trong đó chỉ đạo các phòng, ban ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký tài khoản, hướng dẫn các bước nộp hồ sơ trực tuyến, đặc biệt là tuyên truyền thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện, với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng; quan tâm đầu tư hơn 400 triệu đồng để mua sắm các thiết bị hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Tính đến nay, cấp huyện Long Phú đã cung cấp 17 thủ tục hành chính mức độ 3 và 152 thủ tục hành chính mức độ 4, tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến 3, 4 đạt 63%; cấp xã đã cung cấp 18 thủ tục hành chính mức độ 3 và 75 thủ tục hành chính mức độ 4, tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến 3, 4 đạt 72,7%. Kết quả, cấp huyện có 10.931/11.243 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, đạt 97%; cấp xã có 6.618/16.462 hồ sơ trực tuyến, đạt 40%. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Kết quả, cấp huyện có 11.927 văn bản đi; số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử 11.423 văn bản, đạt 96%; số lượng văn bản phát hành văn bản giấy 504 văn bản, chiếm 4%. Đối với cấp xã có 5.758 văn bản đi; số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử 5.022 văn bản, đạt 87%; số lượng văn bản phát hành văn bản giấy 736 văn bản, chiếm 13%. Hiện nay, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, Bộ phận một cửa đã hỗ trợ 100% tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia và qua tiện ích VNelD để thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Kết quả cấp huyện có 10.931 hồ sơ được số hóa, đạt 95,6% và cấp xã có 6.618 hồ sơ được số hóa, đạt 26%.

Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Phú Huỳnh Đức cho biết: “Trong năm qua, lãnh đạo huyện Long Phú quyết liệt chỉ đạo nên công tác cải cách hành chính đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Để làm tốt hơn nữa công tác cải cách hành chính, thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú chỉ đạo các cấp, các ngành thường xuyên cập nhật, rà soát, niêm yết các thủ tục hành chính mới công bố hoặc đã được bãi bỏ trên tất cả các lĩnh vực. Bên cạnh đó, huyện sẽ tiếp tục nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức trực tại bộ phận một cửa, thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo đúng thời gian quy định cho người dân và tổ chức. Song song đó, huyện Long Phú tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cá nhân, tổ chức hiểu và tham gia giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tiếp nhận, giải quyết hồ sơ...”.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, công tác cải cách hành chính của huyện Long Phú trong năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, đem lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết thủ tục hành chính, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Nguồn: baosotrang.org.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

* Ngày 05/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Nghị định này sửa đổi Điều 4, Điều 5 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP về phương pháp định giá đất và điều kiện áp dụng từng phương pháp đó.

Cụ thể, phương pháp so sánh được thực hiện bằng cách điều chỉnh mức giá của các thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố có ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá thông qua việc phân tích, so sánh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất sau khi đã loại trừ giá trị tài sản gắn liền với đất (nếu có) để xác định giá của thửa đất cần định giá.

Phương pháp so sánh được áp dụng để định giá đối với trường hợp có tối thiểu 03 thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá (sau đây gọi là thửa đất so sánh), trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d dưới đây.

Phương pháp thu nhập được thực hiện bằng cách lấy thu nhập ròng bình quân năm trên một diện tích đất chia cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của loại tiền gửi bằng tiền Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trên địa bàn cấp tỉnh của 03 năm liền kề tính đến hết quý gần nhất có số liệu trước thời điểm định giá.

Phương pháp thu nhập được áp dụng để định giá đối với trường hợp thửa đất, khu đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở mà thửa đất, khu đất cần định giá không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh nhưng xác định được các khoản thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất hợp pháp tại thời điểm định giá, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d dưới đây.

Phương pháp thặng dư được thực hiện bằng cách lấy tổng doanh thu phát triển ước tính trừ đi tổng chi phí phát triển ước tính của thửa đất, khu đất trên cơ sở sử dụng đất có hiệu quả cao nhất (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, số tầng cao tối đa của công trình) theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp thặng dư được áp dụng để định giá đối với trường hợp thửa đất, khu đất để thực hiện dự án đầu tư không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập nhưng ước tính được tổng doanh thu phát triển và tổng chi phí phát triển của dự án, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d dưới đây.

Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được thực hiện bằng cách lấy giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất. Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành thông qua việc so sánh giá đất trong bảng giá đất với giá đất phổ biến trên thị trường

Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng để xác định giá đất đối với thửa đất, khu đất đã được quy định trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và thuộc một trong các trường hợp sau: a) Các trường hợp quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 114 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; b) Tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; c) Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng; d) Xác định giá đất của thửa đất, khu đất cần định giá mà tổng giá trị tính theo giá đất trong bảng giá đất đối với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dưới 30 tỷ đồng đối với các thành phố trực thuộc trung ương, dưới 10 tỷ đồng đối với các tỉnh miền núi, vùng cao, dưới 20 tỷ đồng đối với các tỉnh còn lại trong các trường hợp sau: Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; Tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp thu hồi nhiều thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng mà không đủ điều kiện để áp dụng phương pháp so sánh.

Nghị định nêu rõ: Các thửa đất so sánh để áp dụng phương pháp định giá đất phải đủ điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Nghị định này cũng bổ sung Điều 5b về thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất. Theo đó, các thông tin về giá đất, giá thuê đất, giá thuê mặt bằng để áp dụng phương pháp so sánh, phương pháp thặng dư và xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất bao gồm: 1) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá; 2) Giá đất đã thực hiện thủ tục về thuế tại cơ quan thuế hoặc đăng ký tại văn phòng đăng ký đất đai đối với các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 3) Giá thuê đất, giá thuê mặt bằng; 4) Giá đất chuyển nhượng trên thị trường.

Nghị định nêu rõ: Các thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất là thông tin trong khoảng thời gian không quá 24 tháng tính từ thời điểm định giá đất trở về trước, ưu tiên sử dụng thông tin gần nhất với thời điểm định giá và được thu thập từ các nguồn sau: Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu về giá; Văn phòng đăng ký đất đai, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức đấu giá tài sản; Cơ quan thuế, cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sàn giao dịch bất động sản, doanh nghiệp bất động sản; Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, doanh nghiệp thẩm định giá; Tổ chức tín dụng, hiệp hội bất động sản, viện/trung tâm nghiên cứu; Phòng vấn trực tiếp người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng đối với các trường hợp đã chuyển nhượng trên thị trường.

Cũng theo Nghị định này, thông tin về thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất phi nông nghiệp để áp dụng phương pháp thu nhập được thu thập từ các nguồn sau: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ghi trong báo cáo tài chính hoặc thu nhập từ cho thuê đất, cho thuê

mặt bằng thu thập trong thời gian 03 năm (được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) liên tục liền kề trước thời điểm định giá.

Trường hợp thu nhập của thửa đất, khu đất cần định giá không đầy đủ theo từng năm, không phản ánh đúng thu nhập thực tế từ việc sử dụng đất thì thu thập thông tin về giá cho thuê đất, giá cho thuê mặt bằng của tối thiểu 03 thửa đất để so sánh.

Chi phí để tạo ra thu nhập từ việc sử dụng đất quy định trên được xác định căn cứ vào định mức, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc suất vốn đầu tư xây dựng do Bộ Xây dựng công bố; trường hợp không có định mức, đơn giá hoặc suất vốn đầu tư xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì căn cứ vào thông tin, số liệu bình quân chi phí thực tế phổ biến trên thị trường của tối thiểu 03 thửa đất có khoảng cách gần nhất đến thửa đất, khu đất cần định giá quy định tại điểm b Khoản 5 Điều này.

Khi áp dụng các phương pháp so sánh, phương pháp thặng dư phải lựa chọn thửa đất so sánh theo thứ tự ưu tiên sau: a) Tương đồng về vị trí, điều kiện kết cấu hạ tầng, diện tích, kích thước, hình thể, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, chiều cao công trình và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá đất so với thửa đất cần định giá; b) Có khoảng cách gần nhất đến thửa đất, khu đất cần định giá và không bị giới hạn bởi địa giới hành chính của các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

Về quyết định giá đất cụ thể, Nghị định này quy định căn cứ nguyên tắc định giá đất quy định tại khoản 1 Điều 112 của Luật Đất đai, điều kiện áp dụng phương pháp định giá đất, kết quả thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá đất cụ thể đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ đối với các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc xác định giá đất cụ thể.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành..

*** Ngày 01/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2024/NĐ-CP Quy định về khu công nghệ cao.**

Nghị định quy định khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Mức ưu đãi, hỗ trợ cụ thể đối với dự án đầu tư, các hoạt động trong khu công nghệ cao được áp dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đất đai, tín dụng và pháp luật có liên quan.

Ban Quản lý khu công nghệ cao và các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện các thủ tục hành chính về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, thuế, hải quan và các thủ tục liên quan theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của pháp luật; hỗ trợ về tuyển dụng lao động và các vấn đề có liên quan khác trong quá trình nhà đầu tư triển khai hoạt động tại khu công nghệ cao.

Các dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ về đào tạo, tuyển dụng lao động; chương trình hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; chương trình hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ vốn vay và các chương trình hỗ trợ khác của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương.

Nghị định quy định nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ kinh nghiệm, năng lực tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, bao gồm đầu tư xây dựng và kinh doanh toàn bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao hoặc một phần hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng được hưởng các ưu đãi về miễn tiền thuê đất, tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả theo quy định về thu tiền thuê đất trong khu công nghệ cao.

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao được ưu tiên vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, thực hiện các hình thức huy động vốn hợp pháp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ban Quản lý khu công nghệ cao và các cơ quan liên quan có trách nhiệm ưu tiên giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến Chủ đầu tư hạ tầng và các dự án đầu tư trong khu vực dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng để đảm bảo thuận lợi cho việc thu hút đầu tư và các hoạt động khác của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

Ngoài các ưu đãi quy định trên, dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao được hưởng các mức ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế, đất đai và pháp luật có liên quan; được ưu tiên tham gia các đề án, chương trình, dự án thí điểm phát triển đô thị thông minh và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy hoạch khu nhà ở và hệ thống công trình hạ tầng xã hội liền kề hoặc xung quanh khu công nghệ cao, đảm bảo kết nối giao thông thuận lợi, để phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghệ cao đồng thời với việc xác định phương án phát triển khu công nghệ cao khi lập quy hoạch tỉnh và đảm bảo việc đầu tư xây dựng phù hợp với nhu cầu, tiến độ xây dựng khu công nghệ cao.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ kinh nghiệm, năng lực tham gia đầu tư xây dựng kinh doanh các công trình hạ tầng xã hội.

Các công trình hạ tầng xã hội bao gồm công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, cây xanh và khu vui chơi giải trí sử dụng vào mục đích công cộng (trừ khu vui chơi giải trí, công viên

chuyên đề có mật độ xây dựng các công trình kiến trúc gộp trên 5%) được đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc bằng các nguồn vốn xã hội hóa, vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân.

Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng phục vụ trực tiếp cho người lao động làm việc trong khu công nghệ cao được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về xây dựng nhà ở xã hội và pháp luật có liên quan.

Đối tượng được thuê, mua, thuê mua nhà ở, cơ sở lưu trú phục vụ người lao động trong khu công nghệ cao.

Chính sách đối với hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và đào tạo nhân lực công nghệ cao

Đối với khu công nghệ cao được ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật thì các phân khu có chức năng nghiên cứu phát triển, ươm tạo công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao được ngân sách nhà nước đảm bảo đầu tư giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng và xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Ngân sách nhà nước ưu tiên xây dựng tại khu công nghệ cao các cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, các phòng thí nghiệm có quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn quốc tế về nghiên cứu, phân tích, kiểm thử, kiểm chuẩn; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao; cơ sở hạ tầng thông tin về công nghệ cao nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, sử dụng, trao đổi thông tin về công nghệ cao.

Nhà nước ưu tiên sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng ưu đãi và các hỗ trợ kỹ thuật theo quy định của pháp luật khác, nguồn lực từ các chương trình quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ, công nghệ cao, các nguồn vốn hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao; hỗ trợ các dự án, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao....

Ngoài các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nghị định này, doanh nghiệp chế xuất trong khu công nghệ cao quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP khi đáp ứng điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan, quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan quy định tại pháp luật về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu thì được áp dụng các quy định riêng đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

Trường hợp doanh nghiệp trong khu công nghệ cao đáp ứng điều kiện về kiểm tra, giám sát hải quan, quy định áp dụng đối với khu phi thuế quan, quy định của pháp luật về thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng quy định như đối với doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong khu công nghiệp, khu kinh tế

theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế kể từ ngày doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện đó.

Nghị định trên có hiệu lực từ ngày 25/3/2024.

*** Ngày 31/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 135/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.**

Kế hoạch nhằm tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Xác định các nội dung, nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (các Bộ, ngành, địa phương) và các cơ quan liên quan tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII và nhiệm vụ tại Kết luận số 64-KL/TW của Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII.

Bảo đảm việc xây dựng và triển khai đúng tiến độ, chất lượng các văn bản quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang thực hiện từ ngày 01/7/2024. Xác định rõ trách nhiệm và sự phối hợp của các Bộ, cơ quan và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Nội dung của Kế hoạch là đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị về việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XII, Kết luận số 64-KL/TW và Nghị quyết số 104/2023/QH15; quán triệt thống nhất nhận thức, đồng thuận trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cấp xã.

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục chức danh, chức vụ tương đương thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ thực hiện chính sách tiền lương mới.

Cụ thể, xây dựng Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong lực lượng vũ trang.

Rà soát sắp xếp các chức danh, chức vụ theo phân cấp quản lý cán bộ bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Danh mục Bộ Chính trị ban hành tại Kết luận số 35-KL/TW của Bộ Chính trị; bảo đảm kế thừa, ổn định trong tổ chức bộ máy; chỉ điều chuyển những vị trí thực sự bất hợp lý hoặc chưa được sắp xếp; một người đảm nhiệm nhiều chức vụ thì lấy chức vụ cao nhất để xác định chức danh tương đương.

Xây dựng Tờ trình về các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới, tác động khi cải cách tiền lương đến chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội.

Nội dung khác của Kế hoạch là xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang: Xây dựng 3 bảng lương và phụ cấp đối với lực lượng vũ trang; Hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với chế độ tiền lương mới; Xây dựng Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Xây dựng Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Xây dựng Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các chuyên ngành Tòa án, Kiểm sát và Kiểm toán; Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới theo thẩm quyền được giao tại Quyết định của Ban Bí thư, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới.

Bên cạnh đó, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định chính sách tiền lương mới đối với khu vực doanh nghiệp: Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng Tiền lương quốc gia theo quy định của Bộ luật Lao động; Ban hành Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước.

Một nội dung khác của kế hoạch là tập huấn, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định của Ban Bí thư, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo gắn với cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII.

Kế hoạch yêu cầu, xác định cụ thể các nội dung nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, cấp trình, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nội dung nhiệm vụ gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó xác định rõ trách nhiệm, vai trò chủ trì, phối hợp trong việc triển khai thực hiện.

Các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 142/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.**

Về phát triển hạ tầng dữ liệu, Chiến lược đặt mục tiêu đến năm 2030 là 100% các Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực, Trung tâm cấp quốc gia về lưu trữ dữ liệu lớn và tính toán hiệu năng cao trên cả nước được bảo đảm kết nối thành công, tạo thành

một mạng lưới chia sẻ năng lực tính toán, xử lý dữ liệu lớn phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của đất nước.

Các Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ và các Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động Make in Viet Nam đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của Việt Nam, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

Về phát triển dữ liệu phục vụ Chính phủ số, 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia trong danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; được kết nối, chia sẻ với kho dữ liệu tổng hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc.

Các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của các Bộ, ngành, địa phương (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

100% các cơ quan nhà nước cấp bộ, cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở đảm bảo chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tốn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; tối thiểu 80% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được tái sử dụng, chia sẻ theo quy định (ngoại trừ các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ đặc thù) đảm bảo người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục hành chính.

Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

Về phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số, xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên cả nước phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. 100% dữ liệu truy xuất nguồn gốc, xuất xứ được cung cấp kèm theo cho các sản phẩm OCOP (thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm "One Commune One Product") đăng bán trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.

Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ điện trên cả nước phục vụ việc vận hành tối ưu hệ thống điện, hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực; dữ

liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường Việt Nam nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...

90% các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hóa, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trong nước được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi.

Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm.

100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối về trung tâm giám sát tập trung của ngành Tài nguyên và Môi trường theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm 05 sản phẩm dịch vụ dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...) để tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật; xuất khẩu tri thức của lao động Việt Nam ra nước ngoài dựa trên các công việc mới với dữ liệu.

Về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, 100% các cơ sở dữ liệu quốc gia cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quan trọng của các bộ, ngành, địa phương được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 144/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2024 và năm 2025.**

Cụ thể, Quyết định cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến 2 ngành nghề kinh doanh sau: Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề; kinh doanh dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Đối với ngành nghề kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề, Quyết định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (2.000250).

Theo đó, thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp đổi, bổ sung Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, không yêu cầu cơ quan, tổ chức phải nộp lại "Giấy chứng nhận đã được cấp".

Đồng thời, bổ sung cách thức thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (1.000567).

Cùng với đó là thay đổi thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, không yêu cầu nộp lại: "chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp" đối với thủ tục hành chính cấp, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (1.000546).

Đối với ngành nghề kinh doanh dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Quyết định bãi bỏ thủ tục hành chính cấp thông báo chuyển trả đối với người lao động, kể cả đội trưởng, phiên dịch, cán bộ vùng đi làm việc ở nước ngoài theo Hiệp định Chính phủ (2.002021); bãi bỏ thủ tục hành chính cấp Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Australia (2.000292) và cấp lại Thư giới thiệu cho công dân Việt Nam tham gia Chương trình Lao động kết hợp kỳ nghỉ tại Australia...

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 140/QĐ-TTg ban hành Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030.**

Mục tiêu tổng quát nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên; giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy hằng năm, góp phần xây dựng thế hệ thanh, thiếu niên Việt Nam phát triển toàn diện; có lý tưởng cách mạng; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của thanh, thiếu niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình phấn đấu kiểm chế tỷ lệ gia tăng; tiến tới giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy so với năm trước. Bảo đảm quản lý chặt chẽ số thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy theo quy định. Đến năm 2025, trên 80% và năm 2030, trên 90% thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tư vấn, khám sàng lọc, đánh giá, được giáo dục thay đổi hành vi, điều trị, cai nghiện ma túy thích hợp và thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy được hỗ trợ dạy nghề, việc làm và các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cộng đồng theo quy định pháp luật.

Hằng năm, làm giảm số vụ thanh, thiếu niên phạm tội về ma túy so với năm trước; các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên được đấu tranh, triệt xóa kịp thời và không để tái hình thành; trên 90% số vụ phạm tội về ma túy phát hiện liên quan đến thanh, thiếu niên được giải quyết, xét xử theo quy định.

Hàng năm, tổ chức Đoàn các cấp phát động phong trào thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy. Các tổ chức Đoàn xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về ma túy xây dựng mô hình phòng, chống ma túy; trong đó mỗi năm giúp đỡ, hỗ trợ để cảm hóa được ít nhất 01 thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy hoặc thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy tái hòa nhập cộng đồng, có việc làm ổn định.

Hàng năm, ít nhất 70% cơ sở giáo dục bậc trung học cơ sở trở lên tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên. Đến năm 2025, trên 80% và năm 2030, 100% cán bộ, giáo viên, giảng viên được tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng phòng, chống ma túy để có đủ năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên.

Để đạt được những mục tiêu trên, Chương trình đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể: 1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; 2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; 3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; 4. Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy; điều trị nghiện ma túy; quản lý chặt chẽ thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và quản lý, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng; 5. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy nhằm ngăn chặn ma túy tác động đến thanh, thiếu niên.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 143/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác, sử dụng Bộ pháp điển”.**

Đề án được triển khai thực hiện từ năm 2024 đến năm 2026 với mục tiêu chung nhằm xây dựng Bộ pháp điển gắn với mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Hoàn thiện Bộ pháp điển bảo đảm chất lượng theo quy định tại Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, duy trì và phổ biến, hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Bộ pháp điển nhằm thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ và phục vụ nhu cầu tiếp cận, tra cứu pháp luật hiệu quả.

Mục tiêu cụ thể nhằm khắc phục hạn chế, bất cập của Bộ pháp điển hiện nay; tiếp tục nghiên cứu và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hoàn thiện các kỹ thuật pháp điển hợp lý, khoa học hơn, góp phần thuận tiện trong khai thác, sử dụng Bộ pháp điển.

Bộ pháp điển được phổ biến, giới thiệu và hướng dẫn khai thác, sử dụng bằng nhiều phương thức, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Bộ pháp điển cùng với các cơ sở dữ liệu về pháp luật được quản lý, vận hành thống nhất, đồng bộ, kết nối dữ liệu thông tin pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận, tra cứu pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Đề án phân đầu 80% công chức các bộ, ngành và địa phương được phổ biến, giới thiệu, hướng dẫn khai thác, sử dụng Bộ pháp điển, có 50.000 lượt truy cập Bộ pháp điển mỗi ngày; phân đầu 100% các bộ, ngành và địa phương đều có báo cáo viên thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Bộ pháp điển tại cơ quan, địa phương mình.

Nhiệm vụ và giải pháp đề ra là: Rà soát, hoàn thiện Bộ pháp điển bảo đảm chính xác, đầy đủ theo quy định; Tổ chức nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật pháp điển bảo đảm Bộ pháp điển sắp xếp hợp lý, khoa học hơn; Tuyên truyền, phổ biến Bộ pháp điển hiệu quả, chất lượng; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, duy trì, quản lý và khai thác, sử dụng Bộ pháp điển; Tăng cường các điều kiện bảo đảm cho công tác pháp điển.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 20/01/2024, Tổng Thanh tra Chính phủ ký ban hành Thông tư số 01/2024/TT-TTCP quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.**

Theo đó, Thông tư quy định có 3 loại báo cáo gồm: Báo cáo định kỳ; báo cáo chuyên đề; báo cáo đột xuất. Trong đó, báo cáo định kỳ được thực hiện hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và hằng năm; báo cáo chuyên đề được thực hiện một hoặc nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định; báo cáo đột xuất được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc của Thanh tra Chính phủ.

Thông tư quy định, đối với báo cáo định kỳ: Báo cáo Quý I từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 3 của năm báo cáo; Báo cáo Quý II, Quý III, Quý IV từ ngày 15 của tháng cuối quý trước đến ngày 14 của tháng cuối quý báo cáo; Báo cáo 6 tháng từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm báo cáo. Báo cáo 9 tháng từ ngày 15 của tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 9 của năm báo cáo; Báo cáo hằng năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất: Thời gian chốt số liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thanh tra Chính phủ.

Báo cáo được thể hiện bằng văn bản giấy, văn bản điện tử, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và được đóng dấu theo quy định.

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan thanh tra cùng cấp ký báo cáo thì thực hiện theo quy định về ký thừa ủy quyền.

Báo cáo được gửi tới cơ quan nhận báo cáo bằng hệ thống văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước và một trong số phương thức sau: Gửi qua phần mềm hệ thống báo cáo của ngành Thanh tra; Gửi qua thư điện tử của cơ quan hành chính nhà nước; Gửi trực tiếp; Gửi qua dịch vụ bưu chính; Gửi qua Fax.

Số liệu báo cáo nhập liệu vào phần mềm hệ thống báo cáo của ngành Thanh tra theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

Thanh tra Chính phủ xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin báo cáo điện tử của ngành Thanh tra; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo, chia sẻ dữ liệu theo các quy định của pháp luật.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai, sử dụng có hiệu quả hệ thống báo cáo điện tử của ngành Thanh tra. Trường hợp cần thiết, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động xây dựng hệ thống thông tin báo cáo điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của mình và chế độ báo cáo của Thanh tra Chính phủ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2024.

*** Ngày 31/12/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký ban hành Thông tư số 25/2023/TT-NHNN quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng.**

Thông tư quy định, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát động, tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành Ngân hàng. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phát động, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các phong trào thi đua do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát động.

Thủ trưởng các đơn vị (Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Người đứng đầu của tổ chức tín dụng, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý; Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Tổng thư ký các Hiệp hội do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý) có trách nhiệm phát động thi đua, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thuộc đơn vị.

Trưởng Khối, Cụm thi đua có trách nhiệm tổ chức phát động thi đua, ký giao ước thi đua giữa các đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua và gửi bản ký giao ước thi đua về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tổ chức cán bộ) chậm nhất ngày 31 tháng 03; Giám sát việc triển khai thực hiện phong trào thi đua giữa các đơn vị thuộc Khối, Cụm thi đua và tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua. Các chỉ tiêu, nội dung và biện pháp tổ chức thi đua phải thông qua Khối, Cụm thi đua để thống nhất thực hiện.

Cấp ủy đảng và đoàn thể các cấp trong ngành Ngân hàng phối hợp chặt chẽ với Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo tổ chức, triển khai các phong trào thi đua.

Các cơ quan truyền thông, báo chí trong ngành Ngân hàng tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng; phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua để nêu gương hoặc giới thiệu với Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp xem xét khen thưởng; phổ biến nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng.

Đối với cá nhân đã và đang công tác trong ngành Ngân hàng: Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên (tính cho tổng thời gian dùng để xét tặng Kỷ niệm chương), có thời gian tham gia công tác trong ngành Ngân hàng đủ 20 năm đối với nam và đủ 15 năm đối với nữ; Cá nhân đương nhiên được tặng Kỷ niệm chương gồm: cán

bộ Ngân hàng được công nhận là liệt sỹ; cán bộ tham gia Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam; cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B từ năm 1968 về trước; cán bộ ngân hàng được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, Huân chương Độc lập các hạng, “Anh hùng Lao động” và các đồng chí là Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước; Cá nhân ưu tiên xét tặng Kỷ niệm chương gồm: cán bộ công tác trong ngành Ngân hàng từ ngày 06/5/1951 đến ngày 07/5/1954 và có thời gian công tác liên tục đủ 10 năm; cán bộ ngân hàng tham gia chiến trường B, C, K thời kỳ kháng chiến chống Mỹ trước 30/4/1975 thì thời gian công tác được nhân hệ số 2 (một năm bằng 2 năm) khi xét tặng; cán bộ trước đây công tác trong ngành Ngân hàng được cử đi bộ đội, thanh niên xung phong, đi học hoặc điều động sang ngành khác sau đó tiếp tục về lại ngành Ngân hàng công tác thì thời gian đó vẫn được tính là thời gian công tác liên tục trong ngành Ngân hàng khi xét tặng.

Cá nhân ngoài ngành Ngân hàng được xem xét tặng Kỷ niệm chương khi đạt được một trong các tiêu chuẩn sau: Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam; Có sáng kiến hoặc công trình nghiên cứu khoa học có giá trị thiết thực cho hoạt động ngành Ngân hàng Việt Nam; Có những đóng góp trực tiếp, thiết thực về vật chất cho sự phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam.

Cá nhân là người nước ngoài được xem xét tặng Kỷ niệm chương khi đạt được một trong các tiêu chuẩn sau: Có thời gian công tác trong ngành Ngân hàng Việt Nam từ 10 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam có nhiều công lao đóng góp cho ngành Ngân hàng bao gồm: mở rộng quan hệ hợp tác tài chính với các nước và các tổ chức tài chính quốc tế; vận động các tổ chức quốc tế, các nhà tài chính đóng góp, giúp đỡ tinh thần, vật chất; đóng góp về tư vấn, đào tạo, trợ giúp kỹ thuật và đóng góp khác cho ngành Ngân hàng Việt Nam trong quá trình hội nhập và hợp tác tài chính quốc tế; Trường hợp đặc biệt mang tính ngoại giao do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định.

Cá nhân bị xử lý kỷ luật, thời gian thi hành kỷ luật không được tính vào thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương. Sau khi hết thời hạn thi hành kỷ luật thì sau 01 năm mới xem xét tặng Kỷ niệm chương.

Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với các trường hợp sau: a) Cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc; b) Cá nhân đang bị cơ quan pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc có liên quan đến các vụ án hình sự mà chưa có kết luận của cơ quan pháp luật có thẩm quyền; đang trong thời gian xem xét kỷ luật và thi hành kỷ luật; c) Cá nhân đã và đang chấp hành hình phạt tù (được hưởng án treo hoặc không được hưởng án treo), cải tạo không giam giữ.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 28/2/2024.

*** Ngày 01/02/2024, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký ban hành Quyết định số 69/2024/QĐ-BNV của về việc ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức năm 2024.**

Theo đó, Kế hoạch ban hành nhằm mục đích kiểm định chất lượng đầu vào công chức để đánh giá, công nhận kiến thức nền tảng cần thiết đối với thí sinh trước khi tham gia tuyển

dụng công chức vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng lựa chọn, đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức trong giai đoạn hiện nay.

Theo Kế hoạch, Hội đồng kiểm định chất lượng đầu vào công chức (Hội đồng kiểm định) do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 8 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP. Hội đồng kiểm định được sử dụng con dấu và tài khoản của Bộ Nội vụ trong việc điều hành, tổ chức các hoạt động liên quan đến kiểm định.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Chủ tịch Hội đồng kiểm định quyết định lựa chọn các Điểm thi và thành lập các bộ phận giúp việc: ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự kiểm định, Ban coi thi, Ban thư ký.

Hội đồng kiểm định thông báo về từng kỳ kiểm định trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Trang thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức chậm nhất 30 ngày tính đến ngày tổ chức kiểm định. Thông báo bảo đảm các nội dung theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP; đồng thời, công bố cấu trúc, đề cương chi tiết bài thi, hướng dẫn sử dụng phần mềm của kỳ kiểm định.

Thí sinh đăng ký dự kiểm định qua Trang thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức hoặc theo nội dung trong Hướng dẫn đăng ký dự thi kiểm định do Hội đồng kiểm định ban hành (Mẫu phiếu đăng ký kiểm định được ban hành kèm theo Nghị định số 06/2023/NĐ-CP).

Thí sinh đăng ký dự kiểm định được quyền chọn đợt thi, địa điểm đăng ký dự thi. Trong trường hợp sắp xếp địa điểm tổ chức thi, điểm thi, ca thi, Hội đồng kiểm định có thể thay đổi địa điểm tổ chức thi, điểm thi, ca thi và thông báo cho người đăng ký biết trước ít nhất 07 ngày làm việc tính đến ngày tổ chức thi.

Khi đăng ký dự kiểm định thành công, thí sinh đăng ký được gửi giấy xác nhận đăng ký dự kiểm định vào địa chỉ email đã đăng ký. Trên cơ sở số lượng thí sinh đăng ký dự kiểm định, Hội đồng kiểm định tổ chức các điểm thi nhằm bảo đảm cho từng kỳ kiểm định diễn ra an toàn, an ninh, tiết kiệm, hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh.

Xây dựng ngân hàng câu hỏi và đáp án bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, đáp ứng yêu cầu tính đồng bộ, thống nhất về chất lượng nội dung kiểm định chất lượng đầu vào công chức được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP.

Thời gian tổ chức kỳ kiểm định: tháng 7 và tháng 11 năm 2024. Thời gian cụ thể sẽ được Hội đồng kiểm định thông báo trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Trang thông tin về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Ban Bí thư Trung ương Đảng:

Ông Nguyễn Minh Tâm, Vụ trưởng Vụ Lào - Campuchia được bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng ban Đối ngoại Trung ương.

* Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao:

Ông Lê Đức Xuân, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Phạm Thanh Tùng, Kiểm sát viên cao cấp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Nguyễn Đức Bằng, Kiểm sát viên cao cấp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Nguyễn Đình Trung, Kiểm sát viên cao cấp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Lại Văn Loan, Kiểm sát viên cao cấp, Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Mai Văn Linh, Kiểm sát viên cao cấp, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, kể từ ngày 16/02/2024.

Ông Đỗ Đình Chử, Kiểm sát viên cao cấp, Chánh Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, kể từ ngày 16/02/2024.

* TP. Đà Nẵng:

Ông Trần Phước Sơn, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được phân công phụ trách Hội đồng nhân dân thành phố đến khi kiện toàn chức danh Bí thư Đảng đoàn.

* Tỉnh Nam Định:

Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận, bổ nhiệm bà Hoàng Thị Hoài Phương, Tổng Biên tập Báo Nam Định giữ chức vụ Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, kể từ ngày 06/02/2024.

Quyết định số 992-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều động, bổ nhiệm ông Phạm Văn Trường, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức vụ Tổng Biên tập Báo Nam Định, kiêm Tổng Biên tập Báo Nam Định điện tử, kể từ ngày 05/02/2024,

*** Tỉnh Nghệ An:**

Bà Nguyễn Thị Mai Thương, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

Ông Nguyễn Mạnh Lợi, Phó Giám đốc Sở Du lịch được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch.

Ông Hoàng Vĩnh Trường, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Tỉnh Quảng Bình:**

Ông Phan Phong Phú, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định điều động, bổ nhiệm ông Phan Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THÔNG BÁO

Ban biên tập Bản tin điện tử Cải cách hành chính của Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ trân trọng thông báo: Bản tin điện tử cải cách hành chính sẽ dừng phát hành trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 (Từ ngày 09/02 đến hết ngày 14/02/2024).

Sau thời gian này, Bản tin sẽ được xuất bản trở lại hàng tuần như thường lệ.

Trân trọng!

**BAN BIÊN TẬP BẢN TIN ĐIỆN TỬ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**